

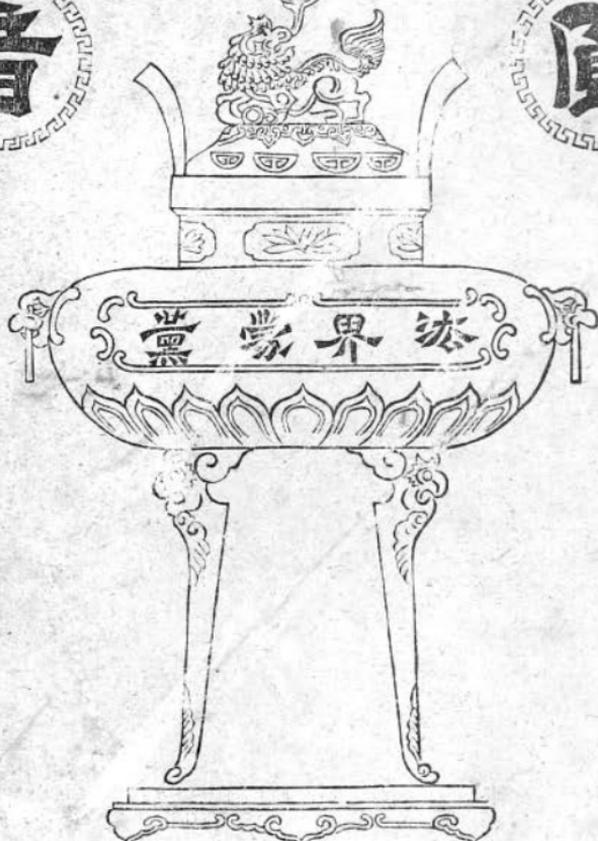
NĂM THỨ 2  
Số 18

Tháng Janvier  
và Février 1935

VIENAM

音

圓



石武之吉

刊月會學珠

Nguyệt-San Phật-Học

91 #

Nam mô Bổn sư

# Thích-Ca Mau-Ni Phật

Tác Đại-Chúng Minh

PHẬT HỌC-HỘI CHÚNG-MINH ĐẠI ĐẠO SƯ

Diệu Đế tự Tru-Trì : Giác-Tiên } Duyệt y  
Tây-Ba tự Tru-Trì : Giác-Nhiên }

Phật-Học-Hội Chánh-Hội-Trưởng duyệt-y

Ký tên thế : Lê Đình-Thám

## MỤC LỤC

### I. — BÌNH-NGHỊ

- Căm-tưởng đối với những bài phê bình Phật-giáo trong các báo chương (Viên-Âm). . . . . 3
- Bài bài "Phật-giáo dưới «Kính-Hiền-Vi» trong Ánh-Sáng số 36 (N. Xuân-Thanh). . . . . 5
- Tinh-thần hy-sinh đối với cuộc sinh-tồn của nhơn-loại (N. Xuân-Thanh). . . . . 14

### II. — DIỄN-ĐÀN

- Chúng ta phải nên tin-ngưỡng Phật-pháp, tin ngưỡng Phật-pháp không phải là mê-tin (Huệ-Tâm). . . . . 17

### III. — NGŌN-LUẬN

- Phật-pháp hiệp với đời (Viên-Âm). . . . . 32

### IV. — DỊ-GIẢI

- 48 Lời nguyện của Đức Phật A-Di-Đà tiếp theo và hết (Viên-Âm). . . . . 41

### V. — THƯƠNG-LUẬN

- Lời phê-bình Viên-Âm năm thứ nhất của các ngài Chứng-Minh Đại-Đạo-Sư (Giác-Tiên, Giác-Nhiên). . . . . 46
- Đối với bài «phúc biện cái hõn» của «Tứ-Bi-Âm» (Lê-Đình-Thám). . . . . 49

### VI. — KINH HỌC

- Đại-ý kinh Thủ-Lăng-Nghiệm tiếp theo (Viên-Âm). . . . . 54
- Kinh Thủ-Lăng-Nghiệm tiếp theo (Viên-Âm). . . . . 56

### VII. — THI LÂM. . . . . 64



# PHẬT-HỌC-HỘI NGUYỆT-SAN

## VIÊN-ÂM

Hội Phật-Học ở Hué được nghị-dịnh quan Toàn-quyền ngày 30 Juin 1933 cho phép xuất bản VIÊN-ÂM NGUYỆT-SAN.

Nội dung VIÊN-ÂM chỉ giảng giải đủ các lý thuyết đạo Phật ra chữ quốc-ngữ và có khi phụ thêm một bài pháp-văn.

Giá nguyệt san.....

(	mỗi năm.....	2\$00
	nửa năm.....	1\$10
	mỗi quyển.....	0\$20

Hội Phật-Học tặng không nguyệt-san này cho các ngài Hội-viên của Hội. Như hai ông bà đều có chừa Hội-viên thì chỉ tặng một quyển.

TÒA SOẠN : 5 Rue Champeau — HUÉ

Thơ từ, mandat mua nguyệt-san xin gửi cho

**M. LÊ-ĐÌNH-THẨM**

Médecin Indochinois du Cadre Latéral — HUÉ

(Boîte postale n° 73)

## PHỎ - CÁO

Các ngài vì đạo-tâm muốn tán thành Bản San xin ghi tên vào tờ nguyệt-san (Bulletin d'abonnement), rồi gửi lại một lần với mandat đề Bản-San gửi tiếp số sau cho khỏi trễ, và xin các ngài sẵn lòng giới-thiệu giùm.

Xin giữ talon mandat mua nguyệt san đề thể biên-lai.

Những bài lai-cáo đăng được, Bản San giữ quyền nhuận sắc; bài đăng không được thì không trả bản thảo lại.

Bản San giữ bản quyền. Trích lục phải đề tên Viên-Âm.

Đăng quảng-cáo tính giá phải chăng, xin gửi thơ thương lượng trước.

## CẢM-TƯỞNG ĐỐI VỚI NHỮNG BÀI PHÊ-BÌNH PHẬT-GIÁO TRONG CÁC BÁO-CHƯƠNG

Nhơn dịp lễ Khánh-đản, trong các báo-chương thấy có nhiều bài phê-bình Phật-giáo, phê-bình một cách kỳ quái, làm cho chúng tôi phải sanh ra một mối cảm-tưởng rất đau đớn đối với đường ngôn-luận nước nhà.

Chúng tôi xem báo Tây, báo Tàu, thấy những bài phê-bình, dầu về khoa-học, triết-học, hay về tôn-giáo đều do những nhà chuyên-môn nghiên-cứu viết ra cả; tuy ý-kiến vẫn có khác nhau, nhưng họ nói đến đều gì thì họ cũng đã tham-cứu việc ấy một cách chín chắn.

Một bài nói về chính-trị thì dưới bài ấy tất có một nhà đại-chánh-trị ký tên, nói về luật-lệ thì ít nữa cũng là một vị tân-sĩ luật-lệ, nói về triết-học thì ít nữa cũng là một nhà triết-học chuyên-môn; dầu về văn-chương, toán-pháp, cách-trí, địa-dư, môn nào cũng đã có những nhà có thiệt-học về môn ấy.

Về phần các tờ báo nhỏ không đủ người chuyên-môn thì họ chỉ trích-lục những bài của các tờ báo lớn, chớ không dám phê-bình càng, vì sợ mất giá-trị.

Ngó lại các nhà phê-bình Phật-giáo ở xứ ta mà ngán, họ không biết Phật là chi, họ chưa học một quyển kinh, họ chưa tìm hỏi giáo-lý của Phật thế nào mà họ đã phê-bình Phật-giáo! Phê-bình như vậy để gạt những ai? Xin đánh một dấu hỏi?

Đề gạt tin-dờ Phật-giáo chẳng?

— Tin-dờ Phật-giáo, họ đã biết Phật-pháp ít nhiều, dầu không biết, họ cũng tìm người mà hỏi, dễ gì gạt họ được.

Đề gạt độc-giả chẳng?

— Độc-giả lắm bực thông-minh, dễ gì không thấy cái dốt của những bài ấy.

Rốt cuộc họ chỉ gạt được tờ báo của họ mà thôi.

« *Tri chi vi tri, bất tri vi bất tri* » là một lời dạy rất có lý-thù của đức Khổng-Tử.

Chúng tôi trông mong các nhà phê-bình kia gắng thiết-hành theo câu ấy ; dầu việc gì cũng gắng học đôi ba năm cho biết đại-khái rồi hãy phò-bày trên mặt báo-chương, chớ đừng gặp đầu viết đó, miễn cho đầy giấy ; tuy đối với những việc họ công-kích, vẫn không ảnh-hưởng gì, nhưng đối với giá-trị báo-chương nước nhà thì có phần thiệt hại nhiều lắm.

Lời nói thẳng có phần trái tai, trông mong các nhà phê-bình kia tự xét mà lượng thứ.

VIÊN-ÂM



## AI MUỐN THỈNH KINH ?

Tại chùa *Kim Chương Nam-Vang* (xứ Cao mên) mới tạo bản và ấn hành bộ kinh Tam Bảo gồm đủ : *Di-Đà Hồng Danh, Vu Lan, Phở môn, Kim Cang* bằng hai thứ chữ : một bên chữ Hán, và có chữ Quốc ngữ âm một bên rất tiện lợi cho sự đọc tụng.

Tiền thỉnh kinh định giá như sau này :

Kinh Di-Đà Hồng-Danh Vu-Lan : 0\$50 tiền có 0\$16.

Kinh-Phở-môn và Tâm Kinh : 0, 40 « 0, 16

Kim Cang : 0, 60 « 0, 16

Thỉnh nguyên bộ (3 quyển) giá : 1, 60 « 0, 25

Ai muốn thỉnh nhiều xin gửi thơ thương nghị riêng.

Thơ và mandat xin gửi cho Mr *Nguyễn-văn-Lâm Secrétaire Principal des Postes et Télégraphes à Pnom-Penh (Cambodge)*.

BÁT BÀI « PHẬT-GIÁO DƯỚI  
“KINH-HIỀN-VI” »

trong báo Ánh-Sáng số 36, ngày 8 Juin 1935

Nguyên văn của ông Kinh-Hiền-Vi. —

**T**ừ lễ Khánh dân Phật Thích-Ca đến nay đã qua 20 ngày. Kinh hiền Vi nhắc lại có hơi muộn vì lễ Khánh dân... đã qua rồi mà tinh thần nó vẫn còn, Phật giáo vẫn tiến tới... các tin đồn vẫn càng ngày càng đông.

Phật giáo! ai nghe đến tiếng ấy lại không hâm mộ, sùng bái vì xưa nay ai cũng cho là cao siêu, ai cũng phục cái triết học siêu việt của nó.

Lời bát. — Đạo-lý cao siêu hay không cao siêu cần phải tham-học mới rõ, nếu không tham-học thời dầu khen, dầu chê cũng không giá-trị gì cả.

N.V. — Nói đến Phật Thích-Ca ai cũng phụng-sự tôn-sùng, ai cũng coi như là một người đầy đủ bác ái, hy sinh nhân đạo v. v. Ai cũng bảo đức Thích-Ca vì xã hội suy vi, vì nhân tâm loạn lạc mới buộc lòng bỏ hết vinh ba phú quý mà đi tìm một con đường giải thoát cho chúng sanh đương loay quay trong bể khổ.

Phật giáo và giáo chủ Thích-Ca trong con mắt loài người ngày nay sao mà hay ho cao thượng đến thế?

Đối với Kinh-hiền-Vi

L.B. — Xin lỗi, « Kinh-hiền-Vi » để xét vi-trùng chứ không phải để xét đạo-lý. Chỗ dùng sai như vậy, thảo nào chỗ thấy không khác hẳn với các nhà có học-thức.

N.V. — Xin lỗi các tin đồn Phật-giáo — Phật giáo chẳng phải là một phương pháp giải thoát cho loài người mà chỉ là một phương pháp giải thoát cho cá nhân.

**L.B.** — Cá-nhân là gì ? Nhân-loại là gì ? Nhân-loại là tiếng kêu chung cho tất cả cá-nhân, có cá-nhân mới thành ra có nhân-loại; nếu phương-pháp đạo Phật giải-thoát được một người, thời trăm người, ngàn vạn ức người, cả nhân-loại đều có thể theo phương-pháp ấy mà được giải-thoát. Nói giải-thoát cho cá-nhân mà không nhận là giải-thoát cho nhân-loại, thực không lý nghĩa gì cả.

**N.V.** — Hay nói cho đúng riêng Phật Thích-Ca mà thôi.

**L.B.** — Khi Phật tại thế, hơn vạn người đệ-tử Phật được giải-thoát, về sau những người tu học theo Phật-pháp được giải-thoát số kể không xiết. Ông « Kinh-hiền-Vi » cầm viết phê-bình Phật-giáo lại không biết được lịch-sử nhà Phật một đôi chút hay sao ?

**N.V.** — Phật Thích-Ca cũng chỉ là một người thường, một người có cái bản tính quả quyết nhân nại hơn mọi người khác.

**L.B.** — Trước nói Phật Thích-Ca là một người thường, sau lại nói là một người có cái bản-tánh nhân-nại quả quyết hơn mọi người khác; đã hơn mọi người thời không phải là người thường, đã là người thường thời không thể hơn mọi người; Ông « Kinh-hiền-Vi » có biết chỗ mâu-thuẫn ấy chăng ?

**N.V.** — Đối với một tên lao động làm ngày không đủ ăn, phải đi xin thêm một bữa vài bát cơm nữa để cho con cho vợ thì Phật Thích-Ca chỉ có khác một điều là tên lao động kia thì từ cái chỗ thiếu vật-chất đi tìm chỗ đủ vật-chất còn Phật Thích-Ca thì từ cái chỗ dư vật-chất đi tìm một cái hạnh phúc siêu-việt ngoài cái sanh cái tử mà thôi. Nói về tâm lý chẳng bên nào hơn bên nào.

**L.B.** — Vẫn biết kẻ thiếu vật-chất thì đi tìm vật-chất, kẻ thiếu đạo-lý thì đi tìm đạo-lý, toàn là một lối đi tìm; nhưng ai cấm những người thiếu vật-chất lại thiếu đạo-lý, đi tìm hai món một lần, hoặc đi tìm riêng một món đạo-lý. Tâm đi tìm vẫn là tâm đi tìm, nhưng một người đi tìm những nhà nghèo

khổ mà cứu giúp, một người đi tìm những nhà giàu có mà trộm cướp, vẫn không phải là không hơn kém, ông Kinh-hiền-Vi có biết chỗ ấy không?

**N.V.** — Nói thể độc-giả chớ cho tôi là so sánh bậy, là khinh rẽ một vị thánh ai cũng tôn sùng, xin thủng thủng cho tôi biện bạch.

**L.B.** — Lời lẽ mâu-thuần như vậy, dầu cho biện-bạch rào đón cũng khó bề che cái bậy sớ sớ trước con mắt tinh đời của độc-giả.

**N.V.** — Phật Thích-Ca trước kia là một vị Hoàng-tử tinh tinh đa cảm lại sống trong một cái hoàn cảnh sung sướng đặc biệt.

**L.B.** — Hoàn-cảnh sung sướng mới dễ chịu cực, mới dễ tu khổ-hạnh phải không? Ông «Kinh-hiền-Vi» chỉ đến hỏi các cậu con nhà giàu mới sa sút thì biết.

**N.V.** — Ông Thích-Ca sung sướng quá, sung sướng đến nỗi ông quên rằng ông già và ông chết như mọi người. Cho nên một hôm được phép vua cha cho đi ra thành dạo chơi gặp những cảnh người già ốm, kẻ đau khổ mới thoát nghĩ đến mình. Rồi ông khiếp, ông sợ, ông tự thấy ông không sung sướng chút nào vì ông còn phải già, phải chết như ai.

**L.B.** — Ai bảo ông Phật Thích-Ca có khiếp có sợ ; nếu Phật thiết có sợ, sao dám liều mình vào núi tu khổ hạnh. Còn nói Phật làm con vua sướng quá, là lấy thương tình mà ức dạt đó thôi; chớ Phật vẫn không nhận cái sung sướng về vật-chất kia là sung sướng thiệt, vì Phật thấy nhân-loại còn thiếu một đạo-lý có thể làm cho thoát khỏi những sự khổ già, đau, sống, chết.

**N.V.** — Từ đó ông quyết chí đi tu, đi tu cho đến lúc thấy một cách gì làm cho ông có thể không già không chết.

**L.B.** — Liều mình tu để tìm một đạo-lý có thể làm cho khỏi các sự khổ già chết, quyết không phải lối hành-động của những người ích-kỷ. Nhưng tâm-

lý của Phật đầu những người học rộng thấy xa còn chưa rõ được hết, huống nữa là «*Kinh-hiền-Vi*».

**N.V.** — Ông lựa một chỗ rất thanh vắng trong rừng xanh, chịu làm khổ-hạnh trong sáu năm trời nhưng vẫn không đắc bằng trở về đạo, ông đòi vật chất đầy đủ vừa đi tu. Khóa sau này ông mới thành Phật.

**L.B.** — Lỗi văn này là lỗi văn gì mà có những câu rất kỳ quái, họa là «*lỗi văn của Kinh-hiền-Vi*».

**N.V.** — Cõi đó thì biết Phật-giáo xuất hiện do cái uyên nguyên «*sung sướng cực điểm*» «*vật chất đầy đủ*» của Phật Thích-Ca mà ra và cũng do tinh tinh tự đức Phật Thích-Ca một ít.

**L.B.** — Trước ông *Kinh-hiền-Vi* đã biết nói Phật vì cái khổ già chết mà đi tu, nay lại nói Phật vì sung sướng cực-điểm mà đi tu, lý-luận mâu-thuần đến thế là cùng; nhưng khổn nạn, ông «*Kinh-hiền-Vi*» nào biết lý-luận là chi đâu. Vua Tịnh-Phạn-Vương sợ Phật đi tu, không cho thấy sự khổ giữa đời, thế mà đến khi Phật thấy được các sự khổ-não thời Phật đã quyết chí đi tu, tìm được đạo-lý chơn-chánh đặng cứu vớt nhân-loại khỏi các sự khổ. Chúng ta hằng ngày thấy cảnh khổ-não lại không biết tự tình hay sao?

**N.V.** — Ủ nếu Phật Thích-Ca là một tên lao động làm ngày không đủ chực bụng thì Phật cũng chẳng có trí não nghĩ Phật-pháp.

**L.B.** — Sao ông vội dám khinh bạn lao động không có trí-não suy nghĩ Phật-pháp? Họ có trí-não, có lẽ trí não họ còn hơn ông nhiều lắm.

**N.V.** — Và nếu Phật Thích-Ca không tham sướng, tham một cái sống vinh viễn, như một số người nhu nhược nước ta ngày nay thì Phật giáo cũng chẳng có cơ hội ra đời.

**L.B.** — Ai mới biết một ít đạo Phật cũng đã hiểu rằng người muốn tu hành đạo Phật cần phải dứt trừ lòng tham, sân, si; vậy ông nương vào đâu

mà nói rằng Phật Thích-Ca tham sướng, tham cái sống vĩnh-viễn ? Tự mình ức-đặt sai lầm rồi tự mình bài bác, thiệt không có nghĩa lý gì. Ông lại nói người nhu-nhược nước ta tham sướng, tham cái sống lâu, thể tất nước khác không ai tham sướng, tham sống lâu phải không ? Lại tham sướng, tham sống lâu vì tất đã là người nhu-nhược ; tham khổ, tham chết yểu như những người đi tu-vận vì tất đã không phải là người nhu-nhược, sao ông càng dở lắm thế.

Thiệt tưởng trừ ra những bậc đã có cái tinh-thần hy-sanh đặc biệt của đạo Phật, thì ai ai cũng muốn sống lâu cả ; không muốn sống lâu, họa chẳng chỉ có « Kinh-Hiển-Vi ».

**N.V.** — Phật giáo là của Thích-Ca, của cái hoàn-cảnh Thích-Ca tạo ra, sau đem làm tôn-giáo cho mọi người mà những điều kiện cần yếu để thi hành Phật giáo như « vật chất đầy đủ » một chỗ thanh vắng, xa sự ru-tư điều thiếu sót, là một điều rất sai lầm mà có lẽ Phật Thích-Ca đã có tiếng là sáng suốt nhất cũng không khỏi lầm vào chỗ ấy.

**L.B.** — Phật Thích-Ca có lầm hay không, ông gắng học Phật pháp ít năm rồi mới hiểu, đến như cái lầm của ông thì đề biết lắm, xin lược kể cho ông rõ :

a) Ông nói hoàn-cảnh đức Thích-Ca tạo ra Phật-giáo là ông muốn nói hoàn-cảnh gì ? Hoàn-cảnh cực khổ ư ? nhưng đức Thích-Ca trước khi xuất-gia vẫn sung sướng đặc biệt. Hoàn-cảnh sung sướng ư ? nhưng đức Thích-Ca, khi ngồi giữa tuyết, khi tu khổ-hạnh trong núi, ăn không no, đêm không ngủ, vẫn không có gì đáng gọi là sung sướng ; đó là điều lầm thứ nhất.

b) Ông nói điều cần yếu để thi-hành Phật-giáo là vật-chất đầy đủ, vậy ông có biết Phật ngộ đạo trong lúc nào không ? Ông có biết người tu hành đạo Phật phải thế nào không ? Ông có biết ông *Ưu-bà-Li*, một vị đại-đệ-tử của Phật, là một người đầy tớ về dòng Thu-Đà-La không ?

c) Ông nói điều-kiện cần-yếu thứ hai là một chỗ thanh-vắng thì xử nào lại không có chỗ thanh-vắng; tu là tu tâm, ở chỗ nào tu lại chẳng được, hưởng chỉ thanh-vắng hay không thanh-vắng là tự nơi mình, nào phải tự nơi hoàn-cảnh: nhưng nói thế thì ông Kinh-hiền-Vi hiểu làm sao nổi.

d) Ông nói điều-kiện cần-yếu thứ ba «*ra sự u-tư đều thiếu-sót*» thật rất sai lầm, vì người đạo Phật thật biết mình thiếu sót đạo-lý nên phải tu hành, tu cho khi không thiếu sót nữa. Còn như ông nói đều thiếu-sót về vật-chất thì lại mâu-thuần với điều-kiện thứ nhất là vật-chất đầy đủ, ông có biết không? vả lại vật-chất có thiếu-sót thì phải ra công làm việc mới hết thiếu-sót, chớ u-tư làm gì cho nhọc trí.

Nói tóm lại, lời lẽ của ông toàn là sai lầm cả, thiệt ra chỉ vì chúng sanh mê lầm chịu lầm đều khổ-não nên mới có Phật-pháp để giải-thoát cho chúng sanh, mà điều-kiện cốt yếu để thi-hành Phật-giáo là phải tham-học Phật-giáo cho đến khi hiểu rõ Phật-lý, không luận người sang, kẻ hèn, người thành thị, kẻ thôn quê, người giàu kẻ nghèo chi cả.

**N.V.** — *Thật thế, người bây giờ có ai được sung sướng như Thích-Ca không?*

**L.B.** — Phật Thích-Ca tìm đặng Phật-pháp khi tu khổ-hạnh chớ nào phải trong hoàn-cảnh sung sướng; sung sướng còn đi tu khổ-hạnh được hưởng nữa là những người cực khổ.

**N.V.** — *Người bây giờ có ai không lo lắng như Phật Thích-Ca không? Có ai chịu lên núi ở như Thích-Ca không?*

**L.B.** — Ai lại không lên núi được; hưởng nữa trong đạo Phật rất nhiều phép tu hành, dầu địa-vị nào, dầu cảnh-ngộ nào cũng có thể tu được cả.

**N.V.** — *Mà có ai là cái xã-hội này đâu có?*

L. B. — Phật Thích-Ca đi truyền đạo trái qua hơn 16 nước, nào phải cần lia xã-hội.

N. V. — Đã không lia ra xã-hội này, còn phải chìm đắm trong xã hội này.

L. B. — Ông không lia xã-hội thì ông chìm đắm trong xã-hội, rồi ông tưởng ai cũng chìm đắm như ông sao? Huống chi đã biết chìm đắm là quấy thì phải tu cho hết chìm đắm sao lại không tu!

N. V. — Còn phải chịu ảnh hưởng của mỗi dư luận.

L. B. — Dư-luận như bài của ông, xin lỗi, chúng tôi không dám chịu ảnh-hưởng.

N. V. — Mỗi hèn vi ở xã hội này.

L. B. — Phật-pháp nương theo xã-hội mà cải-tạo xã-hội ra xã-hội lương-thiện, lại không được sao?

N. V. — Thì dầu có Phật Thích-Ca tu ở đây, Kinh hiển vi đó mà ông tu đức đạo.

L. B. — Lấy tâm-trí của Kinh hiển vi mà ức-đạt tâm-trí của đức Phật Thích-Ca, thiết không biết tự xét.

N. V. — Phật giáo đã không thực hành được lại phải chia ra từng đẳng từng cấp cho hợp với trình độ mọi người.

L. B. — Phật-pháp đã chia ra từng đẳng-cấp để cho thích-hợp với trình độ mọi người thì ai cũng tu được, ai cũng chứng được, sao lại gọi Phật-pháp không thể thiết-bành? Toàn là lời vô-đoán, không có nghĩa lý gì sất.

N. V. — thì nó chỉ một cách nhồi sọ.

L. B. — Những lời «nhồi sọ» là những lời nói càng không có nghĩa lý, ông có biết không?

N. V. — Một cái lợi khi của chánh-trị.

L. B. — Nhà chánh-trị, nếu muốn cho dân chúng nhơn từ khôn khéo, siêng năng can đảm thời tất nhiên phải hộ-trì Phật-pháp.

Hiện nay chánh-phủ nước Tàu đang cực lực khuyến-khích công việc hoằng-dương Phật pháp là vì lẽ ấy.

**N. V.** — *Một dịp chung cho kẻ thế thân càng dễ đè áp kẻ vô thế thân mà thôi.*

**L. B.** — *Khinh người hèn, hiếp kẻ yếu, rất trái với đức từ-bi của đạo Phật; nếu thiết-hành Phật-giáo thời kẻ thế-thân thường hết lòng giúp đỡ cho kẻ không thế thân, đâu có những sự đè ép.*

**N. V.** — *Ai lại theo Phật giáo mà còn dấn dlu với đời này, ai lại làm tín đồ của Phật Như Lai mà còn chạy từng cái chức, kiếm từng cái danh.*

**L. B.** — *Người có danh có chức, phần nhiều vì học thức, vì đức hạnh mà có, vị tất đã phải đi kiếm; còn đi kiếm đó là việc làm của những người chưa tu hay ít tu đạo Phật. Việc ấy đã cho là việc quấy, thời tu theo đạo Phật là việc hay, sao lại còn bài bát.*

**N. V.** — *Nhưng đó không phải là lỗi của các tín đồ Phật giáo mà phải nói là lỗi của Phật Thích Ca kia. Phật Thích-Ca được một cái hoàn cảnh tốt nhờ đó đắc đạo sung sướng nhưng không phải ai cũng được cái hoàn cảnh như Phật.*

**L. B.** — *Cái hai không học nói càng, đến thế là cùng. Hiện nay tín-đồ đạo Phật hơn 600.000.000 người mà mấy ai có cái hoàn-cảnh như Phật Thích-Ca, thế mà họ vẫn tu đạo Phật được cả.*

**N. V.** — *Vì nếu ai cũng được cái hoàn cảnh của Phật thì loài người đâu có cái giai đoạn văn minh ngày sau nữa để các tín đồ Phật giáo phải rất cỡ hồ hão.*

**L. B.** — *Ông đã biết văn-minh là gì đâu! Bên Mỹ, bên Âu, người ta chắc văn-minh hơn ông nhiều mà hiện nay đã lập nhiều Phật-Giáo-Hội, đã có hằng 1.000.000 tín-đồ thì ông nghĩ sao? cái gì cũng không biết, chỉ toàn dùng chữ khẩu-sáo, thế mà dám đứng lên phê bình Phật-giáo!*

**N. V.** — *Kính hiển vi bát Phật giáo bát như thế đó.*

**L. B.** — *Toàn cả bài, từ đầu đến cuối không một câu nào đúng nghĩa lý thì bát Phật-giáo sao được!*

**N.V.** — chớ không như ông bạn Lạc nhân bên Tểng Dân bát Phật giáo mà kéo ra nẻo chuyện hội trường, chuyện làm thuốc của ông đốc họ Lê, chuyện kiện đất của ông cụ Nguyễn khoa Tân toàn là chuyện cá nhân của họ mà có lẽ ông bạn kể ra chẳng ích gì cho s. đánh đổ Phật giáo nếu tác giả không có một cái ý riêng... gì.

**L.B.** — Lời lẽ như ông mà đánh đổ Phật giáo được sao? Thiết tưởng: con ếch dưới giếng chưa hề khi nào làm hẹp trời được.

**N.V.** — Phật giáo dĩ không phải vì tin đồ đâu, ông Lạc nhân chớ lầm. Chính nó dở là vì nó là một tôn giáo cũng như biết bao tôn giáo khác.

**L.B.** — Phật-giáo dĩ hay hay, có học mới biết; nhưng một điều chắc chắn là Phật-giáo không phải như các tôn-giáo khác, vì Phật-giáo đủ nghĩa lý rõ ràng, đã không bắt phải thờ phụng, phải ý-lại ai, lại cũng không bắt phải tin càng một ông nào cả; nhưng khôn nạn, ông «*Kinh hiền Vi*» có biết Phật-giáo là chi đâu, có biết các tôn-giáo khác là chi đâu, ông chỉ biết viết càng cho đầy giấy chớ ông chẳng kể gì, đâu là giá trị của tờ báo!

Nhớ lại lúc xưa, một anh nhà quê thấy anh thợ điện bắt giây điện đôi đèn treo đèn, anh la ầm lên, anh chê càng chê dỡ, anh bảo: «*cây đèn nhẹ như bẻ, một giây cũng đủ, dùng đến hai giây, phí quá*»; ai thấy anh nhà quê không biết gì, dám phê-bình anh thợ điện cũng phải cười kể dốt nát, không biết tự xét.

Lời phê-bình của anh nhà quê đối với lời phê-bình của ông «*Kinh-hiền-Vi*», chừng cũng không thua kém mấy.

N. XUÂN-THANH





# TINH-THÂN HY-SINH ĐỐI VỚI CUỘC SINH-TỒN CỦA NHƠN-LOẠI

**N**hơn-loại muốn sinh-tồn thì mọi người cần phải hy-sinh, nếu không hy-sinh, chỉ một lòng tự tư ích-kỹ, thì nhơn-loại phải có ngày tiêu-diệt.

Bản đến vấn-đề hy-sinh mà xét lại cho kỹ, thì từ trong gia-đình ra đến xã-hội, từ bậc quan quyền đến hạo thường dân, ai cũng có một phần hy-sinh cả :

Làm cha mẹ muốn lo cho tròn bổn phận thì phải nhịn phần vui sướng mà sang sớm cho con, để lo áo cơm, cho ăn học, định vợ gả chồng cho con v. v. . . . Lại còn khi đau khi ốm, cha mẹ phải chịu biết bao nhiêu điều vất vả, đến nỗi có người vì con mà phải hy-sinh tánh mạng. Con đối với cha mẹ, muốn đền bù công-đức sinh-thành, có người phải chịu đói, chịu lạnh, nhịn phần mình mà nuôi cho cha mẹ được ấm no. Còn chồng đối với vợ, vợ đối với chồng, anh đối với em, em đối với anh muốn cho được hòa thuận thì cũng phải bớt lời nhịn miệng, phải cho tiền giúp của. Đó có phải nhờ hy-sinh mà gia-đình được sinh-tồn không?

Xem ra ngoài xã-hội, xét lại mấy nghìn năm xưa, cũng đã biết bao nhiêu người vì hạnh-phúc chung mà hy-sinh thân-mạng. Như xem trên lịch-sử nước nhà, ai lại không nhớ đến thời-kỳ oanh-liệt của Trưng-Nữ-Vương, ai lại không nhớ đến cuộc-dời hiền-hách của Trần-Hưng-Đạo, bên thì thù chống nợ nước, bên thì ái-quốc trung-vương, đều hy-sinh thân-mạng để mưu sự sinh-tồn cho một chủng tộc. Không những nước mình mà xem đến nước người, cái tinh-thần hy-sinh vì ái-quốc cũng đã làm vẻ vang cho biết bao nhiêu xứ-sở. Còn những nhà khoa-học cả ngày miệt-mài trong phòng thí-nghiệm, quên ngủ bỏ ăn, có khi phải gặp nhiều điều nguy-hiêm, mà họ nào có ngã lòng rủa chửi đâu;

cái đời của họ là đời chung, cái thân của họ là thân của  
nhơn-loại, nên trăm việc họ làm đều để mưu hạnh-phúc cho  
nhơn-loại cả. Còn các nhà triết-học vì lòng mãn-thế tru-đời,  
khi lập ra lý này, khi xướng lên thuyết nọ để dắt diu tâm-  
tri quần-sanh. Như xưa đức Khổng-Phu-Tử đã từng đi  
khắp nước Tàu, như ngày nay ngài Thái-Hur đại-sư đã từng  
sáng Âu, qua Mỹ để tuyên truyền đạo-lý, để thức-tỉnh nhân-  
tâm mà không kể gì vất vả ; thật là những tinh-thần hy-  
sinh ít có. Nói đến mỹ-thuật, như một áng văn hay, một pho  
tượng đẹp, một bức họa khéo, toàn là công trình của những  
nhà nghệ-sĩ đã dày công lắm sức mới làm nên được. Cho  
đến những đồ cần thiết với sự sống, như cơm ăn phải có  
người cấy sạ quốc bệ, áo mặc cũng phải có kẻ dệt người  
may, nhà ở cũng phải có người xây kẻ lợp, nhơn-loại  
muốn sinh-tồn phải nương tựa vào nhau, phải hy-sinh  
cho nhau mới được.

Vậy mới biết chẳng những nhà chánh-trị, nhà khoa-học  
nhà triết-học có cái tinh-thần hy-sinh đặc-biệt, mà những  
tay bình-dân lao-động cũng biết vì sự sinh-tồn của gia-đình  
mà hy-sinh, song họ hy sinh trong một nghề-nghiệp chơn  
chánh, thì tự-trung họ cũng đã có phần hy-sinh cho xã-  
hội nữa.

Nói tóm lại, hễ đã có một đoàn - thể thì phải có tinh-thần  
hy-sinh, rồi đoàn-thể mới sinh tồn; nếu ai ai cũng một  
lòng tự-tư ích-kỷ, thì gia-đình không thành gia đình, xã  
hội không thành xã-hội, nhơn-loại đã đánh không thể tiến-  
hóa mà lại phải thoái-hóa, thoái-hóa cho đến ngày tiêu-diệt.!

Vậy muốn sinh-tồn cần phải hy-sinh, mà đạo Phật là một  
đạo dạy người ta hy-sinh, thì ai còn bảo đạo Phật là không  
hợp với đời cho được. Nếu ai ai cũng biết hy-sinh, cũng  
tu theo ngũ giới, thì đã được nhơn-cách hoàn toàn, mà giữa  
thế-giới này làm chi có những tấn tuồng lưu-huyết, những  
biện-trạng gớm ghê như ngày nay? ! Nếu ai ai cũng tu  
theo thập - thiện, thì cảnh Ta-bà ô-trược này sẽ trở nên  
một cảnh chư thiên, tốt đẹp. Nếu ai ai cũng tu theo  
phép Tứ-Đế, mà hoàn - toàn hy-sinh tự-tâm của mình thì  
nhơn-loại này sẽ đầy những bậc Thích-chi và La-Hán. Nếu

ai ai cũng biết thiết-hành pháp Lục-Độ, biết tu theo hạnh Bồ-Tát, nghĩa là hy-sinh đến cực-điểm thì chính trên cõi này, cảnh-giới Tịnh-độ phải thiết-biện. Hy-sinh đến cực-điểm thật là khó, nhưng đối với người đã xét rõ tâm-tánh là bồn-lai vô-ngã, vô-práp, thì dầu hy-sinh tới bực mà cũng không thấy có mình hy-sinh, hy-sinh cái gì, và hy-sinh cho ai, nên trăm việc làm đều dễ dàng cả.

Dầu cho không thể hoàn toàn hy-sinh nhưng nếu ai ai cũng dẹp nổi tư-tâm, bớt lòng ích-kỷ, ai ai cũng biết cái hy-sinh là đáng quý, đáng trọng, ai ai cũng gắng hy-sinh một ít, thì nhân-loại đã được lắm phần lợi-ích.

Nhưng than ôi ! ở giữa thế-giới hỗn tạp, so le này, như-loại như hành-khách lạc đàng giữa bãi sa-mạc mênh-mông, như chiếc tàu không lái giữa bể Đại-dương mờ mịt, biết đâu là đường đi nước bước. Vì thế nên giàu biếp nghèo, mạnh hiếp yếu, lớn hiếp nhỏ, khôn hiếp dại, nào là đua nịnh phỉnh phờ, nào là ghét ghen tạt-đổ ; tự mình sinh ra mối cạnh-tranh, rồi lại còn nương theo đó, tuyên bố rằng cạnh-tranh là một sự cần yếu để bảo tồn nhưn-loại. Thậm-chí có những nhà dư-luận như ông Phú-Văn trong báo Bắc-Hà dám nói rằng tinh-thần hy-sinh của đạo Phật không hợp với đời, vì người đời không thể hy-sinh được. Người không hy-sinh được là người trái với đời, chứ đạo Phật có trái đâu. Đối với những người ấy tôi xin la to rằng : « Các ông lầm, các ông lầm to rồi, các ông hãy xem lịch-sử : nhưn-loại tiến-hóa, khoa-học triết-học tiến-hóa chỉ nhờ lòng hy-sinh mà thôi ».

Tinh-thần hy-sinh rất có ích cho đời, rất cần thiết cho đời nên đạo Phật thường nói lý « vô-ngã », lý « nhiếp-tha-vi-tự », để un đúc lòng hy-sinh cho rộng lớn, vững bền. Ở đời làm được việc gì to tát là nhờ hy-sinh, nhưn-loại tiến-hóa là nhờ hy-sinh ; qui-hóa thay cái hy-sinh, vĩ-đại thay cái hy-sinh, nhưng muốn có thể hy-sinh được nhiều thì cần phải tu theo đạo Phật.

N. XUÂN-THANH





## DIỄN ĐÀN

Chúng ta phải nên tin-ngưỡng Phật-pháp, tin-ngưỡng Phật-pháp không phải là mê tín.

*L. T. S. — Bài giảng này trích-lục ở báo Đông-Pháp, số 2966 ngày 17, 18 Juin 1935, do bà Tử Kheo-Ni Huệ-Tâm giảng tại chi-hội Phật giáo ở chùa Đồng Quang Hà-dông.*

*Chúng tôi rất khâm-phục biện tài vô-ngại của bà Huệ-Tâm nên xin trích đăng nguyên-văn để công-hiến độc-giã.*

**Q**ui trình liệt vị thính giả

Tiện-Ni tôi tuổi còn ít, đức còn bạc, mà ngày hôm nay dám đường đột mùa riu qua trước mắt thợ, đánh trống ngay của Lễ Ban như thế này, tôi thăm nghĩ thật lấy làm hổ thẹn. Nhưng vì vâng lệnh các cụ chứng minh đạo-sư đã có lời chỉ giáo, nên tôi bất đắc dĩ phải vâng lời. Vậy có điều chi còn sơ suất, cúi xin các ngài tạm dung, tôi rất cảm ơn.

Thưa các ngài tôi rất lấy làm mừng rỡ, được trông thấy các vị đại-đức, quý quan, quý chức và thiện-tín đàn na, sâu lòng cố-động, đề tỏ vẻ hoan-nghênh Phật-giáo. Ấy là một điều rất hân-hạnh cho Phật-pháp trong buổi diêu tàn này vậy. Thiết tưởng cái ngày giờ gấp rút, thời thế rộn ràng này mà liệt vị sẵn lòng phớt bỏ cái thì giờ vàng

bạc đến đây để tỏ lòng hồi hướng với Phật-pháp. Như thế thì còn chi quý hóa bằng! Tiệm-ni này tự cho là một buổi rất trân-trọng, mà cũng rất đáng lấy làm băn-băn được hội kiến cùng liệt vị tín giáo, để tỏ bày chỗ sở-kiến của mình.

Thưa liệt vị, tôi nương thân trong chốn tăng già, thoát chốc đã hơn tám năm trời, thường nghĩ đến nền Phật Pháp thì chỉ thấy bơ phờ tiêu tụy. Trong tăng chúng tuy những người có tư-tướng cũng không phải là ít. Nhưng phần nhiều vì hoàn-cảnh bó buộc, nên chỉ đành thức thủ vô Phương; ngoài việc ở chùa, ăn chay, niệm Phật chỉ có việc lo đúc chuông, làm chùa xây tháp, làm đám, ấy là hết bản phân, chứ không có thì thổ được việc gì nữa.

Than ôi! Nếu cứ bo bo giữ mãi Phật Pháp một cách nhỏ hẹp như thế, thì thật là oan uổng thay cho nền đạo lý uyên thâm, huyền diệu. Mà cũng phụ phàng thay cho lòng từ bi cứu thế của Thế-tôn và cái chủ nghĩa «Tự giác giác tha» của nhà Phật.

Tôi nói làm chùa, đúc chuông, xây tháp, làm đám ấy là những cái hình thức nhỏ hẹp của Phật-pháp, chắc có lẽ các ngài lấy làm lạ, mà tự nghĩ rằng: «Tin đồ của nhà Phật xưa nay chỉ có thế thôi, nếu không làm thì làm gì?» Hay có ngài nào quá khắt nữa, thì lại trách rằng: «Cớ sao diễn-giải dám hoang ngôn, nói những lời như thế?» Vâng, tôi rất lấy làm đau đớn mà trả lời rằng: Còn gì được phúc hơn là làm chùa, tô tượng đúc chuông, nhưng tôi xin thí dụ: Như các ngài muốn lập một cái trường học, thì trước hết phải làm nhà đóng bàn ghế, mua sách vở rồi mới thỉnh giáo sư. Công đức của những người sửa sang đồ đạc và nhà trường ấy, cũng không phải là nhỏ. Nhưng nếu không biết tô - chức cho khéo, thỉnh giáo - sư cho giỏi, rồi một mai hoặc trường nhiều, giáo-sư ít; hoặc giáo-sư nhiều, mà ít người biết dạy một cách hoàn-toàn, thì các ngài lo làm cho nhiều trường học để làm gì? Rất đỗi lại cũng có người làm tướng sai giáo-sư đi làm thợ mộc, thợ nề, đóng sách

vở, thì còn hy-vọng sao cho sự học hành được hoàn toàn tinh-tiến ?

Phật-pháp cũng vậy, Phật sở dĩ bắt buộc phải đệ-tử xuất-gia của ngài, không được quan tâm đến vấn-đề thực-nghiệp, là vì ngài muốn cho đồ-chúng của ngài phải chăm chú hết lòng, chuyên tâm trì chí, cầu tự Tỉnh cho được viên-minh. Tự tỉnh có viên-ninh, thì sự tự giác mới có hoàn-toàn. Sự tự-giác có hoàn toàn, thì sự giác tha mới mong khỏi lầm lỗi. Tóm tắt lại, cốt-yếu việc lập trường học là mong hưởng thụ được cái hay, cái đẹp của sự học-vấn; còn mục-dịch việc làm chùa, là mong cho dân-chúng hấp thụ được cái tinh-ba thuần-túy của Phật-pháp. Vậy mà hiện thời đây quả có được như vậy không ? Xin lỗi các ông, các bà, tôi cảm thấy phần nhiều các ông, các bà đi lễ Phật thì chỉ biết tin Phật bằng hình thức, chứ không biết tin Phật bằng tinh-thần, chỉ biết vào chùa dâng hương, thế là người có lòng, có đạo, chớ không hề suy nghĩ tới tinh-thần đạo Phật ra sao, và chùa-chiền có ích lợi những gì ? Ấy cũng bởi sự tập-tục lâu ngày mà thành ra như thế, và cũng vì cái hoàn-cảnh eo-bẹp không có thể mở-mang ra hơn được.

Ngày nay các ngài trong hội Phật-giáo đã tự xét biết rằng: Phật-pháp lập ra, cốt để chỉ dẫn cho mọi người, cùng được yên vui, sáng suốt, cho nên một mặt thì lo đào tạo nhân-tài, một mặt thì lo lễ-chức ra những cuộc gián-diễn, hầu hy-vọng một ngày kia, Phật-pháp được phổ cập cả dân chúng, rắc hạt phước-thiện, mưu cầu cho cả tăng-tục, cùng nhau vượt qua biển khổ, mà lên bờ chánh-giác. Qui-hóa thay lấm lòng nhiệt-thành của liệt-vị quý-chức liệt-vị chúng-nhân. Liệt-vị đã không ngại tốn hao, không ngại mỗi mọt, hợp cùng thất-chúng mà vun gốc bồi đắp, đến hôm nay đã được chút vẻ vang như thế này, thật là đáng mừng đáng kính.

Vậy thì hiện nay bốn phận những người đứng trung-gian của Phật-pháp tức là những người xuất-gia tu hành, một mặt đối với Phật-pháp thì

phải lo chuyên tu giới-luật cho tinh-nghiêm, hầu khỏi phụ cái ơn khai sáng của Phật-dã, còn một mặt thì phải phổ-diễn chánh pháp cho thấu hiểu mọi sự nhiệm-mầu, để đáp lòng thành-thực của tín-giáo.

Nhưng buồn nỗi bất-tài như tôi đây, chịu trách-nhiệm cái nghĩa vụ lớn-lao ấy sao nỗi? Tôi vẫn mờ mờ mịt mịt ngoài sự tri niệm sáu chữ: nam mô sáng chuông chiều mõ, thì đã có gì gọi là phúc huệ trang-nghiêm, hạnh mầu bác nhã? Đã có gì gọi là ý tưởng cao siêu anh tài xuất chúng? Làm gì có được cái giọng thâm trầm vắng vắng như chuông ngân, cái lời mạnh mẽ hùng hồn tuôn như suối chảy, để mong khỏi phụ cái ngày giờ vàng bạc của cử tọa.

Nhưng kể bất tài này vì cái nghĩa vụ đã nói trên kia, nên không dám cầu nệ mà đường đột bộc-bạch mấy cái ý tưởng tầm thường theo chỗ tu học của tôi, để công hiến cho liệt-vị tín giáo. Rất mong rằng liệt-vị sẽ không cho là choáng tai, mỗi cổ mà để ý dự thính cái thiện-kiến phổ diễn của tôi, ấy là một điều tôi rất hy-vọng.

Hôm nay tôi xin diễn cái vấn đề: « Chúng ta phải nên tín-ngưỡng Phật-pháp, tín-ngưỡng Phật-pháp không phải là mê tín ». Cái vấn-đề ấy rất thiết thực với nhân tâm thế đạo. Bản ý cái vấn-đề ấy, là muốn các ông, các bà tín Phật-pháp cho đúng chân-lý, phân đường tà rõ nẻo chính, hầu mong am hiểu đến một nền triết-lý rất uyên thâm cao thâm cao minh, chứ đừng tin nhầm theo càn va đừng đứng phương-diện bàng-quan, chỉ trông ngắm hình thức bề ngoài, mà đã vội phê bình Phật thế nọ Pháp thế kia, thì thật hại thay cho một nền tôn-giáo rất có giá-trị.

*Thưa các ông, các bà.*

Ngày nay đương buổi phong-triều tư-tướng của nhân-loại bằng bằng bột bột, một phần thì đua bơi theo làn sóng văn-minh vật-chất, sùng bái khoa-học, lấy sự thực nghiệm làm cực công, nói đến Phật-pháp thì ngơ ngơ ngáo ngáo, cho là một đạo dị-đoan mê tín, mơ hồ huyền-hoặc, rồi cứ đứng ngoài mà

phê-bình những câu vô lý. Còn một phần thì lại quá u mê-tin, cứ lầm tưởng rằng Phật-pháp cũng là một tôn-giáo ý ở lại thần quyền, nên chỉ thiên về cúng tế, thờ phượng, đề hễ động có việc gì quan hệ đến tính mạng, tài sản, thì cầu nguyện, cho tai qua nạn khỏi. Không những số tin đồ lầm tưởng như vậy mà thôi, đến ngay trong lãng chúng cũng có người mê tin như thế nữa. Cũng vì vậy nên trong nước ta ngày nay, dầu làng nào cũng thấy có chùa, có tượng, có sư, có vải mà rút lại thì chuyên về hình thức, mà chẳng hăng tinh-thần. Nay tôi xin giải nghĩa về hai cái vấn-đề ấy, và mong quần-chúng đều xu-hướng theo Phật-pháp, chánh-tin theo Phật-pháp.

Trước hết tôi xin thưa cùng các nhà tân-học chưa từng biết tin-ngưỡng Phật-pháp. Thưa các ngài, tuy chúng ta đã có cái óc khoa-học, nhưng xin đừng vội vội vàng vàng đứng về phương-diện bàng-quan mà phê-bình Phật thế nó, pháp thế kia, rồi cứ đánh chửi ở trong cái biển khổ mênh mông, trần-hoàn rộn rịp; mà tề mê tỳ mỷ trong giấc mông mơ màng, nhân làm sự khổ làm vui, việc dả ra thật, vì thân diệt trí trong cảnh khổ thống muốn trùng, va tai đây đây, chưa chán những sự ưu bi khổ não. Thế mà lại còn hồ hào mãi những lạc-quan với tự-do bình-đẳng gì ở đâu. Tôi xin các ngài thử nghĩ lại cho chín mà coi, tự do nổi gì? Ba vạn sáu ngàn ngày quanh quanh vẫn bị chi phối ở dưới hoàn-cảnh; muốn vui phải khổ, muốn khỏe mạnh phải ốm đau; muốn giàu sang thì nghèo nàn, muốn trẻ mãi mạnh mãi, thì cái già cái chết nó đã lật đật theo sau. Nói lược qua mà nghe, chớ biết bao nhiêu là sự khổ không ý lại thứ này, hình dịch món kia, chứ tự do nổi gì, mà ráng sức hồ hào mãi, cho bóng hờu rất cổ. Trì trặc theo thế thái nhân tình, đua hơi với hư danh dả lợi, nê lệ cho nhục dục si-tình, ép mình theo hoàn-cảnh xoay vần mà không biết, và cứ mãi hồ hào cái tự do bình-đẳng còn-còn-con. Phải, chúng ta cũng nên sống với một cái tự-trưởng lạc-quan, đừng vội in sâu mắm chữ « Đòi là khổ » vào óc, rồi sinh ra đa sầu đa cảm, ngàn nỗi đời mà cam

lòng đợi chết, ghê sự thế mà bỏ chí bình - sinh, chỉ biết sâu não đau lòng, mà không biết tìm phương thoát khổ. Nhưng tư-tưởng lạc-quan ấy chẳng qua là dùng nghi-lực phẫn đấu tạm thời mà thôi, chứ không phải là cái chân-lý về nhân quả, và ta chớ nên nghĩ rằng : cái thắm trạng ấy hiện phi thường ấy, là lẽ tự nhiên, phạm những sự ta cho là tự nhiên đều bởi sự tạo tác có nhân có quả, vì ta mê muội cho nên mới tin lầm là tự nhiên đó thôi. Thí dụ như : trai không lấy vợ, gái không lấy chồng, thì lấy đâu mà sinh con đẻ cái ? Ồi, quá lòng dục vọng, quá trí tối tăm, găm ghì với cái đòi khổ thống, cái thân dã dối, mà cho là vui sướng là chắc thật. Vui làm sao ? thân hình tiêu-tụy, lảo lóc mê man, đem hết tâm thần trí lực để mưu cầu, rồi cuộc cũng phải thở than với thân chết. Thật làm sao ? sinh rồi lớn, lớn rồi già, già rồi chết, nay giàu sang, mai đói rách, sớm phú quý, tối bần hàn, kinh nam doanh bắc, to tát lớn lao, rồi cuộc cũng chỉ về một cái « mất ». Hay tưởng rằng vợ đẹp con khôn, trai như rồng gái như phượng, đó là vui chăng ? Biết chừng đâu, trong cái sắc nghiêng nước nghiêng thành, trong cái tài vĩ địa kinh thiên, trong chỗ sơn trân hải vị, trong trường hiền hách uy-nghiêm kia, lại không đổi ra những cánh bi ai khổ thống, những tiếng thảm thiết đoạn trường tràn trề chan chứa hay sao ? kinh Kim-cương nói rằng : « Nhất thiết hữu vi pháp như mộng huyễn bào ảnh, như lộ điện như diễn ! » Nghĩa là hết thấy những vật hữu hình, những pháp hữu vi, đều như chiêm bao như ảo thuật, như chớp thoáng qua, như sương mù giây lát. Ấy đủ rõ rằng. Đòi là một trường dã dối. Kinh Pháp-hoa nói rằng : « Tam giới vô an do như hỏa trạch chúng khổ sung mãn thâm khả bố úy ! » Nghĩa là ba cõi như nhà lửa, sự khổ thống đầy giây rất đáng kinh sợ ! Nhân sinh hạnh-phúc đầy đủ ra chăng nữa, cũng có được là bao ? Ba vạn sáu ngàn ngày mà cái ốm đau, cái ngủ, nghỉ, nó đã chiếm hết hai phần. Các bậc tiên hiền thường bảo rằng : « Mưa dề già nua mới học đạo, đấm mỡ hết nửa kê còn non » Thử xem đấm mỡ ngoài đồng kia, mấy cái là người trăm tuổi ? Mấy cái là bậc tể-tướng vương hầu giàu sang, khoái lạc ? Nếu xem cho kỹ, thì đấm mỡ

chòn lấp hết phần nửa kẻ chết yểu, kẻ cô - bần. Người đời có nên tỉnh mộng chăng? Vậy thì chúng ta ở vào trong cái cảnh khổ thống gồm ghiếc, trăm cay ngàn đắng này, phải liệu làm sao?

Trong cái cuộc đời vô thường, vô định, của ta đây, đây những nỗi thương tâm não trí, bả lại không có điều được thần phương nào cứu được ta hay sao! Cái diệu được thần-phương ấy, có phải là khoa-học chăng? Khoa-học đâu có lợi ích cho đời được một vài phần về đường thực-tế chăng nữa, nó cũng là một sự tiến hóa tương đối riêng về mặt vật-chất mà thôi, chứ về mặt tinh thần thì đã thấy bở ích gì đâu. Nếu sự tiến-hóa tương đối đó không có cái ý nghĩa gì sâu xa, để bổ cứu cho nhân tâm thế đạo, thì làm thế nào chữa được ba cái độc là : Tham, sân, si, nó làm cho người ta cứ đâm đuối ở trong vòng khổ não, làm thế nào mà phá được cái vọng tâm nó làm cho người ta cứ mê đường tạc lối mãi. Nếu chúng ta còn có cái vọng chấp và cái tà kiến thì đâu khoa-học có phát minh ra được bao nhiêu sự mới lạ, cũng không làm cho người ta ra khỏi được bể khổ, sông mê. Vì rằng hề cái văn-minh vật-chất càng tiến mạnh lên, thì lòng thị dục của người đời lại càng sinh nhiều ra, sự khổ hại lại tăng thêm lên bội phần. Như thế thì khoa-học cứu sao được sự khổ của đời? Khoa-học đã không phải là điều-dược cứu đời, thì chỉ bằng ta theo Phật-pháp mà nương tựa dưới bóng bồ-đề. Phật-pháp cứu cánh là trí-tuệ, là giải thoát, là từ-bi bác-ái Phật nói rằng : « Nhất thể chúng sinh giai hữu Phật tính » Nghĩa là : hết thấy chúng sinh đều có tính sáng suốt như Phật. Và khi Phật sắp nhập Niết-bàn, ngài nói rằng : « Ta là Phật đã thành, chúng sinh là Phật sẽ thành ». Ấy đủ biết đạo Phật bao giờ cũng hàm cái nghĩa bình-đẳng rất rộng.

Cứ thực ra thì đạo Phật không có mê-tin, không có dè nén bắt buộc chi ai cả. Phật chỉ dạy người ta chú trọng ở cái tâm. Kinh Hoa-nghiêm nói rằng : « Nhất thể do tâm tạo ». Nghĩa là hết thấy mọi việc đều bởi lòng làm ra. Kinh lại có nói rằng : « Tam giới duy tâm, vạn pháp duy thức ». Nghĩa là ba cõi bởi tâm, muôn loài bởi thức. Vậy thì cái cảnh khổ thống ấy, tức là tại loài người tạo

ra chớ ai? Nay muốn chữa, thì cũng phải loại người ta tự chữa lấy. Nhưng chữa cách nào? Kinh Lăng-nghiêm nói rằng: Nếu có chúng-sinh trong thế-giới nào mà tâm không đậm dặt, không sát hại, không trộm cướp, không dối trá thì tất sẽ thoát khỏi được cái đường sống chết loanh quanh». Cái tâm của con người bao hàm cả thế-giới, cho nên hệ chân tâm mở sáng, thì thế-giới quang minh mà vọng tâm lừng lầy thì nhân sinh hắc ám. Kinh Lăng-nghiêm lại nói rằng: « Thế-giới ở trong cõi hư không, cũng như một điểm mây vật vờ trên cõi thái thanh mà cõi thái thanh ở trong chân tâm, cũng như một hạt cát bỏ vào trong bể cả. » Bởi vọng tâm lừng lầy tạo tác ra vạn vật hữu hình, tạo tác ra thiên sâu van thẳm, nếu không dẹp bỏ cái vọng-tâm, còn để cho nó rông rở tìm tòi ra muôn cảnh lo sầu, thì làm thế nào mà mong cho nhân sinh thoát khổ, thế-giới yên vui được?

Kinh nói rằng: « Tâm sinh thì hết thảy pháp đều sinh, mà tâm diệt thì hết thảy pháp cũng diệt ». Câu này là chỉ rõ cái nguyên-lý sinh tử, chỉ rõ cái phương pháp cải tạo. Nếu chúng ta muốn cho tiêu diệt cái sự khổ thống, thì trước phải tiêu diệt cái vọng tâm của ta đi; nếu chúng ta muốn tiêu diệt cả cái đường sống chết, thì trước hết cũng phải tiêu diệt cái vọng tâm của ta đi. Tôi xin nói một điều rất thiện cần để hiểu nữa như vậy: Nếu sự gì ta không ưa muốn, thì không bao giờ ta tìm tòi? Bởi sự ưa muốn đó là vọng tâm, cho nên những bậc tu hành đã tỏ thấu chân tâm rồi, thì không còn gì làm cho những bậc ấy trước niêm được. Vì cái tâm của những bậc ấy đã sạch sẽ sáng suốt, không còn một mảy như bợn nào, cũng như hư không kia, cho nên không còn một điều gì vương vãi vào tâm được. Bởi vậy hệ tâm sáng suốt là thanh, mà tâm tối tăm là phạm, tâm giải-thoát là nát-bàn tâm khổ-não là địa-ngục, tâm sáng suốt là Phát, mà tâm mê muội là chúng-sinh. Kinh Lăng-nghiêm lại nói rằng: « đương bình tâm-địa, tức thế giới địa nhất thế giai bình » Lòng người yên cả thì cả thế-giới đều yên. Sách Tịnh-độ

luận nói rằng: « Tâm tác thiên-đường, tâm tác địa-ngục » Thiên đường là tự lòng tạo ra địa ngục cũng tự lòng gây lấy. Đấy, tôi xin nói lược qua mà thôi, chứ còn muốn hiểu rõ cái tâm nó có những mảnh lược nào, cái nguyên nhân kết quả của nó ra làm sao, thì xin năng lui tới những bậc minh-sư thượng-đức mà thỉnh cầu giáo lý của nhà Phật, học cho rõ cái nguyên-nhân sinh tử; cho thấu cái lý nhân-quả nghiệp-duyên, cho rành sự dã, sự khổ rồi mới mong dẹp bỏ đánh phá cái khổ, cái dã cái tội lỗi, cái sống chết kia, rồi mới mong biển khổ lấp bằng, chúng sinh độ tận, mà chung hưởng cái hạnh-phúc tự do bình đẳng, chơn thật yên vui.

Nhưng tôi nói như vậy, chắc có lẽ các ông, các bà còn ngờ rằng: « Phật-pháp là riêng của mấy hạng tăng-ni, và mấy người có cái óc tin-ngưỡng mà thôi, chứ quan hệ gì đến chúng tôi mà bảo học Phật ».

Vâng, ở đời cũng chỉ nên giữ một việc riêng của mình, cho trọn vẹn mà thôi, chứ ta đã mang lầm, thì phần nhiều xói hỏng bồng không! Việc học hay không, xin tùy tài lực, nhưng có khác nào như trong một gia đình, bố mẹ đã già, thì Phải lo cho con cái đi học, chứ mình đã dốt lại để cho họ dốt theo hay sao? Vả chẳng Phật-pháp là cái gia-tài to tát của hết thầy nhân loại, chứ không của riêng ai. Từ xưa đến nay đã biết bao nhiêu những nhà bác học uyên thâm, những bậc hiền triết cao minh, đều công nhân là hay là quý. Hiện nay Phật-pháp đã phổ-cập khắp các nơi. Không nội Á-châu này, mà cả Âu-châu, Mỹ-châu cũng có người theo Phật-giáo. Như ở Paris là kinh đô nước Pháp có dựng những hội khảo cứu Phật-giáo, như hội Société Belge d'Etudes Orientales, Hội Les Amis du Bouddhisme. Lại như nước Nhật-bản mới định xuất ra 1 ức rưỡi đồng, để lập 1 cảnh chùa tại Paris. Như nước ta ngày nay suốt cả ba kỳ đều có hội Phật học. Chẳng như Phật-giáo không giúp ích cho đời, thì các nước vẫn mình họ

đại gì mà họ xuất tiền ngàn bạc triệu, lập chùa thờ Phật làm chi? Vậy thì chúng ta sao nữa đem quặng bỏ những cái hay cái quý ấy đi? Dầu các ngài không có thì giờ nghiên cứu, sưu tầm đi nữa, nhưng cũng xin phóng đại-bà-tâm ra ơn giúp sức cho hội Phật-giáo, hoặc giúp về ý-tưởng, hoặc giúp về tiền tài, hầu mong ngoài thì truyền bá cái đạo-lý chân chính cho dân chúng, trong lo đào-tạo lấy nhân-tài để làm việc lợi ích chung cho quần chúng, và giữ vững lấy nền học-thuyết cho xã-hội ta. Được thế, thì thế-giới đại hạnh biết bao, nhân loại hữu phước biết bao!

Hội Phật-giáo đã có một cái mục-đích tối cao là chấn-bưng Phật-pháp cho đúng chân-lý. Vậy thì tôi xin hết sức yêu-cầu với các ngài sẽ hết lòng nhiệt thành với Phật-pháp, giúp cho hội ngày một thêm mở mang thịnh vượng, được bền bỉ vĩnh-viễn hầu thực-hành cái chủ nghĩa lợi tha, tuyên bố lý mầu của Phật tổ, lấp nẻo tà, mở đường chính, diu dắt nhau lên đường giải thoát; lại cũng là lo việc lợi ích chung, mưu cầu lấy những sự tiến-thủ về đường tinh-thần cho đến cùng cực tiến-hộ và giúp cho một nền học vấn rất có giá trị, rất có ảnh hưởng đến cuộc nhân sinh. Việc này tức là một việc sẽ có ảnh-hưởng to tát cho cuộc nhân sinh, chứ không phải những việc nhỏ nhen cầu cúng để mưu cầu hạnh phúc riêng cho cá-nhân. Cúi mong các ông các bà sẽ lưu tâm đề ý.

Còn như nếu chúng ta muốn cầu hạnh-phúc riêng cho chúng ta, cầu cho khi sống ở đời khỏi những sự cay đắng, khổ sở, hoạn nạn ốm đau, và khi lâm chung linh hồn được tiêu diêu, khoái lạc, cầu cho sống, yên vui phần xác, thác, siêu rồi linh-hồn thì Phật-giáo đã nêu hai chữ « nhân quả » cho chúng sinh tự sửa mình. Trong kinh có nói rằng : « Bồ-tát sợ nhân, chúng sinh sợ quả » là phải! Thật vậy, chúng ta muốn cầu quả tốt, sao không lo tạo nhân lành, nếu lòng ta không ác không độc thì muôn việc, việc gì lại không tốt không lành. Hà tất phải cúng sao cúng hạn cầu thần xin quẻ, coi tướng số lựa ngày giờ làm chi? Nếu ta cứ độc ác rồi cứ nằng đứ

chùa lạy phật, cầu thần, cúng quý, thì cũng chẳng ích lợi gì. Phật đã bảo mọi người phải làm lành mà không nghe, cứ vì tư tâm tư lợi tạo cho đầy đầy ác nghiệp rồi đến lúc mắc phải vạ to, lại đến bảo Phật cứu ! Cứu sao cho đúng lý. Thí dụ như việc ở thế gian, vua đã bảo đừng giết người, thế mà cứ giết rồi đến cơn mắc án thì lại lạy đút lót, đề cầu xin dung thứ. Vạn nhất có dung cho khỏi chết, thì cũng phải tội tù, chứ có lý nào bắt công mà tha cho trắng án được. Rất đối vương-pháp còn như vậy, phương chi Phật-pháp. nếu Phật cứu một người dữ độc mà không biết hối thì lại chẳng hóa ra pháp của Phật là một pháp không công, chớ đâu phải là một pháp cứu thế độ sinh ! Phật đã dạy rằng : « Tuy ta đem pháp luật độ cho người, nhưng sự thật, thì các người tự độ lấy chớ ta không độ được một người nào ». Vậy đủ hiểu rằng : nếu không biết cải tạo cái lòng mà cầu sức ngoài cứu khổ, có khác nào như người cứ trằm mình dưới sông mà miệng lại kêu người cứu vớt. Cứu làm sao cho được ? Phật đã dạy rằng : « Tất cả mọi sự lành dữ, tốt xấu, ở trong đời đều bởi nhân quả mà ra, nhân quả không sai, như bóng theo hình, bình ngay bóng thẳng, hình lệch bóng chệnh ». Nhưng trước kia chưa biết, lỡ gây các món ác-nhân, nay lĩnh ngộ mà ăn năn, thì cái khổ quả cũng sẽ tiêu mòn được. Nhân quả chỉ ở trong lòng mình mà ra, lòng tạo nhân lành thì thân được hưởng quả vui, lòng tạo nhân dữ, thì thân phải chịu quả khổ, ấy là lẽ tất nhiên, chớ không có ai thưởng phạt chi cả. Cũng như giồng dưa thì được dưa, giồng đậu thì được đậu, ấy là cái luật rất công bình của vũ-trụ. Cái luật ấy chưa từng vị nể, mà cũng không thể nào theo thương ghét mà cầm quyền riêng cho ai được. Kinh Nhân-quả có nói rằng : « Muốn biết nghiệp nhân đời trước hãy xem quả hưởng ngày nay ; muốn biết quả đời sau thời xem việc làm đời nay ». Ấy đủ hiểu rằng : « Nhân lành sinh quả đẹp, hạt xấu kết trái dè ». Nếu muốn hưởng quả giàu sang phú quý, thì nên cần phải đào-tạo cái nhân cho thập phần toàn thiện, chớ đừng cầu cạnh ở sức ngoài cứu khổ, thứ nhất là giết gà lợn đề cầu cúng, đốt vàng bạc gửi quý thần. Nếu chúng ta quả thật xứng

dáng tín đồ của nhà Phật, thì chúng ta có thể bảo mấy ông quý thần ăn vàng bạc, gà lợn kia rằng : « Nay các ông ơi ! Các ông đã được cái địa vị làm thần làm thánh, thì nên dạy cho người ta đường nên sát sinh hại mạng, và cái óc ý lợi nô-lệ như vậy nữa. Lẽ nào các ông lại ăn lễ đút lót như vậy ? ».

Tôi xin nhắc lại rằng : xin các ông các bà đừng làm tưởng là tôi bác thần thánh đâu. Không, tôi là kẻ phàm phu tục-tử tôi rất tôn kính thần thánh, tôi cũng công nhận rằng có thần thánh, nhưng thần thánh là thần thánh, mà mình là mình, chứ không ai có quyền thưởng phạt được cho ai. Và chẳng hết thấy muôn vật, muôn loài trong vũ-trụ đều bị chi phối ở dưới một cái nguyên-nhân mà ta gọi là nghiệp. Các bậc thần thánh xưa kia cũng chỉ bởi làm nghiệp lành, cho nên nay được hưởng quả vui, trà ngon rượu ngọt, đào tiên thuốc thánh, ấy chẳng qua là giữ được 10 điều như sau này : 1.) Không giết hại sinh linh, 2.) không trộm cắp, 3.) không dâm dục, 4.) không dối dả, 5.) không miệng lưỡi khôn khéo, 6.) đua siêng nịnh, 6.) không trước mặt khen sau lưng chê, lúc thế này lúc thế khác, 7.) không nói những lời độc dữ như chửi rủa, mắng dèm, chê bai, 8.) không tham tiền tài, sắc dục, danh vọng, không ham ăn miếng ngon, không ham mặc của tốt. 9.) không hề biết giận-dối, 10.) không nhân hai cái hoàn cảnh nghịch và thuận mà sinh ra rồi rít trong lòng.

Chúng ta tôn kính thần thánh là vì chúng ta còn hèn yếu tham lam đầy ruột danh lợi trần hồng, cho nên thờ phụng ngài để làm theo cái đức tính của ngài ; chứ có phải thờ phụng ngài để làm cho ngài mang lỗi sát hại sinh linh, và thành ra tà thần ác quỷ, ăn lễ đút lót hay sao ? Ôi ! sự giàu nghèo, sang hèn sống lâu hay chết yểu, cùng là vất vả hay yên vui, đó vẫn bởi lại có nhân thì có quả, chứ nào phải trời xui đất khiến, thần thánh thưởng phạt hay là ma quỷ buộc ràng đâu ! Chúng ta đừng nên mê muội mà làm tưởng như vậy, và cũng đừng nên nghĩ rằng : « Ta sống đời này chỉ biết đời này, nói chi lời thời nhân đời này quả đời khác. Hiện nay thân còn phải chịu biết bao

phần nào khổ đau, hơi đâu mà cầu việc yên vui ở nơi đời khác / » Nếu nghĩ như vậy, thật là thiên cận quá, chỉ biết được bữa nào xáo bữa ấy, thế là thỏa thích, chớ biết nghĩ đâu đến ngày mai sẽ phải đói rách vì không biết đề phòng.

Rất đổi thần thánh mà chúng ta còn tôn kính như thế, phương chi Phật là một đấng từ bi cứu thế, Phật đã bỏ vợ, bỏ con, bỏ ngôi, bỏ nước bỏ hết cả mọi sự sung sướng ở đời để cầu thoát khổ cho quần sinh, thì bà tất gì mà chúng ta lại chỉ biết cất chùa cho tốt, tô tượng cho sang, hương thơm quả quý cúng Phật, mà không biết tìm đến cái học thuyết cao siêu của Phật để mong một ngày kia, tự mình đã thoát khổ, lại có thể cứu khổ cho xã hội nhân quần. Nếu chúng ta không biết sùng bái Phật bằng một cách chân chính, thì e không khỏi cái tội làm lầm đạo Phật, khiến cho cái đạo rất hay rất quý, thành ra một mối mê tín trong thế-gian. Như vậy thì tranh sao khỏi những lời phỉ báng của những kẻ bàng quan? Đó thật là chúng ta làm suy đạo chứ không phải đạo làm hư chúng ta.

Còn tăng ni chúng tôi cũng là một phần tử của xã hội, chứ không phải người đâu xa lạ, cho nên chúng tôi hết sức nhiệt - thành, hợp nhất với hội Phật-giáo để mong từ thời kỳ phối phai này, dần dần sẽ lập nên những cái quy-cử hoàn toàn thiện mỹ. Chúng tôi chỉ mong sau này sẽ trông thấy cái ánh sáng quang minh của Phật-giáo đánh tan hết thấy mọi sự mờ tối, khiến cho lòng người sáng tỏ, biết làm điều thiện tránh điều ác để gây ra hạnh-phúc cho cả nhân chúng, khỏi phải trông thấy những cái thảm trạng thương tâm như ngày nay nữa. Ấy là một cái cơ hội ít có, vậy cúi xin các giáo-bửu đồng tâm hiệp lực để chóng thành việc lớn, là việc khai đại ngộ, thoát mê tình, đắc đại bồ-đề, chứng đại nát-ban.

Rất cuộc tôi xin nhắc lại một lần nữa rằng : « chúng ta nên tin-ngưỡng Phật-pháp, đừng vội chê Phật-pháp là dị đoan. Người mê tín dị đoan, thì chưa phải là tín-đồ nhà Phật ». Đạo Phật là một đạo có chân lý hẳn hoi chứ không bắt buộc chúng ta phải tin nhắm theo càn. Trong

kinh Tăng nhật tập cũng dạy chúng ta chớ nên tin những sự gì mơ hồ nhắm nhĩ mà không có chân lý. Chúng ta tin đạo Phật là để tìm một cái học thuyết làm cho thế giới được văn-minh, nhân quần được tiến hóa. tin đạo Phật là để sưu tầm một nền học vấn rất cao minh, rất uyên thâm, khiến cho muôn chúng được thấy rõ cái chân lý và được vui vẻ mà sống, nhẹ nhàng mà chết. Bởi vì đạo Phật là một đạo bao hàm cái ý nghĩa bình đẳng, tự do rất là sâu xa, mầu nhiệm, chứ không bó buộc người ta ở trong cái tư tưởng ỷ lại xằng xịt. Tôi là người ở trong Phật-pháp, tôi rất muốn cho các ông các bà đi lại chùa chiền. Nhưng tôi mong rằng các ông các bà lấy cái lòng sáng suốt mà thờ Phật, chứ đừng lấy cái lòng mờ tối mà thờ Phật, và đừng lấy cái tư tâm tư dục mà hiểu đạo Phật. Vậy cúi xin các ông các bà lượng xét cho, tôi rất đội ơn.

*Thưa các ngài.*

Cái nghĩa vụ tu hành là cốt ở sự xả thân phổ cứu, thí pháp thí tài. Sao gọi là xả thân phổ cứu ? bỏ hết mọi hạnh phúc ở đời, tìm cái phương pháp mong cho hết thảy quần sinh đồng thoát khỏi sông mê bể khổ, dứt hẳn điều tư tâm vị kỷ. một lòng ưu ái phổ cập đến muôn loài. Tôi không dám tự mình nhận những tính hay đức tốt ấy, nhưng tôi đã hiểu như vậy, tôi xin quả quyết mà thưa rằng : « Thời diễn giảng này ý tôi mong sao cho thính giả mọi người được cùng nhau chung hưởng cái hạnh phúc tự do bình-dẳng, cùng dắt tay nhau lên nhà Phật-học, để mong ngày kia thoát khỏi cái cuộc biến đổi vô thường, chủ ý tôi chỉ có như vậy mà thôi, chứ không phải là tôi có ý muốn khoe tài khéo năng gì. sự khoe khoang không phải là việc của đệ tử nhà Phật, và như tôi đây tôi thường nghĩ rằng : Có ra chi cái thân khốn nạn, ăn nhờ của xã-hội ngót chín năm nay, mà chưa có một chút gì đền đáp, lại cũng có ra chi cái tinh-thần hèn yếu, học nhờ cửa tăng-ni nhi bộ trong mấy năm nay mà cũng chưa có một chút gì với Phật-pháp. Còn lòng nào mà dám kiêu ngạo khoe khoang. Tôi chỉ có một lòng hy xả để cứu mình và cứu người. Giả sử có người bệnh nhân

nào thiếu máu cần phải tiêm thêm máu của người khác mới đủ sống, nếu tôi biết và người ta cho tôi làm theo ý muốn của tôi, thì tôi sẽ xin hết sức hoan hỷ tận tâm cùng giàng ngay, nữa đâu lại còn dám khoe khoang, để sống với cái hư danh vô vị?

Câu nói cuối cùng của tôi nghe ra ngông cuồng lắm, nhưng nó tự trong đáy lòng mà phát ra. Vậy cúi xin các ngài hãy lượng xét cho, dù những lời nói của tôi có đờm dà thô thiển, hay là kiến thức của tôi có nông sơ, thì cũng xin các ngài lượng tình mà dung thứ cho, chứ đừng chép miệng mà cười rằng: diễn giả là một hạng; ngân ngơ nói những lời nhảm-nbĩ.

Nam-mô A-Di-Đà Phật.

Ất-hợi niên, ngũ nguyệt thập lục nhật Tý-kheo ni Huệ-Tâm phụng thuật.



## PHẬT-PHÁP HIỆP VỚI ĐỜI

Phật-pháp là chi? Là những phương pháp do các đức Phật tùy duyên dạy bảo chúng sanh để chúng sanh nương theo đó tu hành cho hết khổ não. Phật vốn không có pháp, chỉ vì muốn cho chúng sanh dứt sạch những sự mê lầm nên mới thuyết pháp vô biên vô lượng. Căn cơ của chúng sanh khác nhau, thì đối với mỗi người, phương tiện của Phật phải tùy cơ mà thay đổi. Kinh có dạy « Đối với những căn cơ tiêu thừa mà nói phép đại thừa là bán Phật; đối với những căn cơ đại thừa mà nói phép tiểu thừa là bán Phật » Vì nơi không đâu cơ thì người ta không hiểu không tin, và mất một dịp tốt để tu hành theo Phật pháp. Xưa ông Xá-Lợi-Phất dạy anh thợ rèn tập quán Bất-tĩnh, anh giữ mã tập quán Sở-túc, đã bị Phật quở là vì lẽ ấy. Đạo Phật tuy có pháp môn vô lượng, nhưng pháp môn nào hiệp với thời cơ mới thiết là Phật pháp. Xét như vậy thì biết Phật pháp quyết phải hiệp với đời, vì những pháp không hiệp với đời quyết định không phải là Phật pháp, dầu đã biên chép trong các kinh điển.

Đời là gì? Chữ đời đây có phần chỉ riêng về hơn loại đời nay. Hơn loại đời nay là chi? Xét ra chỉ là cái kết quả của đời quá khứ, có thể làm nguyên nhân cho đời vị lai; nói hơn loại đời nay là nói cái trạng thái hiện tại của loài người ở thế giới này trong cái thời gian vô cùng vô tận.

Nhưng quá khứ đã qua rồi không thể đem lui; vị lai thì chưa có không thể kéo tới; còn hiện tại thì đời đời trong giây lát, biết chỉ thời kỳ nào là thời kỳ hiện tại. Vậy mới biết cái hiện tại là hữu danh vô thiệt.

Nói hơn loại đời nay là tùy duyên chỉ cái trình-độ học-thuật, tư-tưởng, thực-nghiệp, kinh-tế, chánh-trị rong

một khoản thời-gian vài ba mươi năm gần đây mà thôi.

..

Hiện-trang của nhơn-loại thế nào ? Xét theo tâm-lý bạn thanh-niên mà nói, thì những phong-trào hiện nay có ảnh-hưởng nhất là phong-trào cải-cách, độc-lập, thiết-hành và hùng-dũng.

Lắm người chưa hiểu đạo Phật, tưởng những lối ấy không hiệp với Phật pháp; thiết ra, Phật pháp sáng đủ tinh-thần cải-cách, độc lập, thiết hành, hùng dũng của phái thanh-niên, mà có phần xác thiết hơn nhiều nữa.

### I. — Tinh-thần cải-cách của đạo Phật.

Trong thế gian có nói đến cải cách thời cũng chỉ nói lối cải cách về hình thức. Hình thức là ngoại vật; cửa cao nhà rộng, áo quần tốt đẹp, nó chỉ là cái vỏ bề ngoài, đối với phần riêng bề trong của mỗi người, nó vẫn không thêm bớt được chút nào: Kia những đứa ngu dốt độc ác, cướp người lấy của, tuy có quần lòe áo lượt lên ngựa xuống xe, mà khi nào nó cũng chỉ là đứa giã mang mà thôi. Vậy thì biết duy có những lối cải-cách bề trong, lối cải cách tâm trí người là lối cải cách đúng đắn có thể đem loài người đến trình độ văn minh cực điểm. Về lối cải cách tâm trí người thì không lối nào bằng lối cải cách của đạo Phật, là một đạo cách trừ những thói quen phiền não (những thói làm cho tâm trí rối loạn và khổ não), và chuyển đổi tâm sanh diệt bẹp hời của chúng sanh ra tâm thường trụ rộng lớn của chư Phật.

Phật xét rõ chúng sanh không được an vui cùng nhau lại thường lừa gạt nhau, xâu xé nhau, giết hại nhau là vì những thói quen phiền não, nào tham, nào sân, nào si, nào mạng, vân vân, nó làm cho ai nấy chỉ biết mình mà không biết đến người, chỉ biết cái lợi của mình mà không biết cái lợi của kẻ khác; rồi gây nghiệp độc ác, nặng gánh oan gia, thấy năm dây đất, máu chảy thành sông cũng vì phiền não mà ra cả.

Tham thời cái gì ưa, muốn đem về cho mình ; sân thì nóng giận, hềm thù đối với những sự trái ý ; mạng thì tự tôn tự đại, không biết nghĩ đến những sự mê lầm của mình mà sanh lòng hồ thẹn ; si thì nhắm mắt làm càng không biết phải quấy, chỉ cầu cái vui trong một phút mà không kể cái hại cả vừa đời, những phiền não như vậy nó làm cho tâm trí người nhỏ nhen yếu lược mặc dầu để cho hoàn cảnh sai khiến. Vì thế nên thường thấy lắm người cũng có học thức, có tư tưởng mà hoàn cảnh bắt tham thì tham, bắt giận thì giận, bắt đi thì đi, bắt chạy thì chạy, lăn lóc theo hoàn cảnh, mê mệt theo hoàn cảnh, cả đời làm nô lệ cho hoàn cảnh, không phút nào được thơ thái. Thế rồi họ buồn rầu, họ than khóc, họ bực rức, họ la gào, thậm chí đến nỗi phải liễu mình tự vẫn. Họ khổ thiệt ! họ khổ mà họ đành lòng chịu khổ, không tìm phương giải cứu thì thảo nào họ không khổ mãi !

Song muốn giải-cứu cho khỏi các sự khổ thời cần phải diệt trừ nguyên nhân của các sự khổ, phải cải cách cái tâm trí đa phiền đa não ra cái tâm trí an lành trong sạch : người nào tánh hay tham phải cải cách lại cho đừng tham, người nào tánh hay giận phải cải cách lại cho đừng giận, người nào tánh hay si mê phải cải cách lại cho đừng si mê, người nào tánh hay kiêu mạng phải cải cách lại cho đừng kiêu mạng, cải cách như vậy cho đến khi không còn gì phải cải cách nữa thời mới tránh khỏi các sự khổ. Nếu trong thế giới, ai ai, cũng biết cải cách theo đạo Phật, ai ai cũng biết trừ bỏ những thói quen xấu xa của mình, thời nhân loại lo gì không văn-minh cực điểm : hạnh phúc chung về sau kể sao cho xiết.

## 2. — Tinh thần độc-lập của đạo Phật.

Đức Thế-Tôn khi mới hóa sanh đã một tay chỉ lên, một tay chỉ xuống, nói câu : « Thiên thượng thiên hạ, duy ngã độc tôn ». Vậy cái tinh thần độc tôn, độc lập chính là một tinh thần rất đặc biệt của đạo Phật.

Trong thế gian cũng có xướng cái thuyết độc lập nhưng cái độc lập của họ chỉ là một cái độc lập hẹp hòi : độc lập với người này không độc lập với người khác, độc lập với việc này không độc lập với việc khác, cho nên họ càng muốn độc lập bao nhiêu, rồi cuộc họ lại càng buộc mình trong vòng phiền não. Như con xướng thuyết độc lập, tự tiện hành động theo dục ái của mình, không nhớ đến ân sâu cha mẹ ; trò xướng thuyết độc lập để chơi bời cho vừa ý, không nhớ đến ơn thầy dạy bảo, những lối độc lập như vậy, mở một nơi lại buộc một ngả, có thiệt được độc lập chút nào đâu.

Bất cái độc lập kia, nhưng đạo Phật nào có dạy phải ý lại thân quyền như các Tôn giáo. Các Tôn giáo thường bắt phải thờ phụng một vị to lớn, có phép tắc, có quyền thế, ai thờ phụng thì sống, thì sung sướng, ai không thờ phụng thì chết, thì cực khổ. Đạo Phật thì khác hẳn : Thật-Phật-kê có câu : « Phật bất kiến thân tri thị Phật, được thiệt hữu tri biệt vô Phật » 佛不見身知是佛若實有知別無佛 “nghĩa là không thấy được pháp thân của Phật thì cái biết là Phật, nếu thiệt có cái biết thì không có Phật nào khác nữa”. Vì chúng sanh mê muội, Phật của mình không biết tự thành nên Phật phải tùy duyên hóa ra có thân có pháp mà dạy bảo. Phật dạy là dạy cho biết chọn lý, tu theo chọn lý để chứng đặng chọn lý như Phật không khác, chớ nào có dạy phải thờ phụng đâu. Mê là tự mình mê, ngộ cũng tự mình ngộ, tu cũng tự mình tu, chứng cũng tự mình chứng, một tâm trùm khắp thái hư, dầu thập phương chư Phật, vô lượng thế giới cũng không ngoài tâm ấy được. Tất cả chúng sanh đều là tâm nên không có thân, có sơ, có non, có ngã, tất cả hoàn cảnh đều là tâm nên không có ưa, có ghét, có mừng, có sợ, đó là lý nhứt tâm của đạo Phật. Người đạo Phật phải tự mình tu tập theo lý nhứt tâm đặng chứng lý nhứt tâm và tự tại giải thoát.

Tất cả muốn sự muôn vật đều là tâm nên duy-ngã, không bị cảnh giới ràng buộc và dĩ tất cả các công đức nên độc-tôn : duy ngã độc-tôn, vì ngoài nhứt tâm ra, không có một sự nào một vật nào nữa cả. Thế mới thiết là độc lập ! độc lập giữa loài người, độc-lập giữa chúng sanh, độc lập giữa chư Phật, độc-lập giữa vô lượng vô biên thế-giới ; độc-lập vì không có chi khác nữa nên quyết định là độc lập : một thế độc lập thường còn, chắc thiết, không bao giờ dời đổi.

### 3. - Tinh thần thiết hạnh của đạo Phật

Trong kinh Lăng-Nghiêm Phật dạy rằng : “nhử tuy lịch kiếp ức tri chư Phật diệu nghiêm, bất như nhứt nhứt tu vô lậu nghiệp” nghĩa là ông tu nhiều kiếp nghe nhớ pháp diệu nghiêm của chư Phật, nhưng không bằng một ngày tu nghiệp vô-lậu của Phật.

Vậy đã biết đạo Phật chú trọng thiết hạnh hơn chú trọng lý thuyết.

Trong thế gian hiện thời cũng hay nói đến hai chữ thiết hạnh, nhưng sự hành động đó là thiết, hay không thiết, cần phải giải quyết.

Chúng ta sanh ra ở đời, nhỡ không biết chi, nhờ cha mẹ nuôi dưỡng, rồi đi học, rồi ra làm nghề này nghiệp khác để có tiền mà nuôi sống, đến 6, 70 tuổi là già, là đau, là chết. Như thế chẳng hóa ra cái sống chỉ để mà nuôi cho sống, nuôi sống mà không phải sống đời, chỉ đến 7, 80 tuổi rồi chết. Vậy thì cái sống có giá trị gì đâu, có mục đích gì đâu, cái sống đó dầu nó chỉ được một vài mươi năm hay đến một trăm năm, vẫn cũng không lý thú gì : nó chỉ là cái sống để mà chết.

Còn nói là vì nhân quần, vì xã hội mà sống thì quá đáng, vì thiết ra, dầu chúng ta không sống, nhân quần xã hội cũng chẳng hao hại gì. Huống chi cái khoản trăm năm có là bao, đối với thời gian vô cùng vô tận. Thế mà làm người chỉ ở trong phạm-vi ấy mà bỏ-hào thiết hạnh, nhưng thiết hạnh thế nào được, nếu không có mục đích chánh đáng ?!

Đạo Phật thì khác hẳn : kinh Đại nhứt có câu : « Bồ-Đề-tâm vi nhơn, đại-bi vi căn-bổn, phương tiện vi cứu-kính ».

Bồ-Đề-tâm là chi ? Bồ-Đề-tâm là cái tâm đã tự biết một cách đúng đắn. Chúng ta thử nghĩ chúng ta bình nhứt đối với hoàn-cảnh, vẫn có hay có biết, nhưng đến khi chúng ta tự hỏi : tâm chúng ta thế nào ? thì ai ai cũng ngờ ngẩn.

Thế mà có nhà khoa-học dám xem thường triết-lý, dám chê triết-lý chỉ là tư tưởng, chớ không phải khoa-học ; mà không biết toàn thể khoa-học đều dùng tư-tưởng làm chân đứng cả :

Như hóa-học thời do nơi lý thuyết nguyên-tử, đên-tử (théories d'atomes, d'électrons) tạo thành, chớ bai mớu nguyên tử, điên tử nào ai biết nó là chi ; nó chỉ là tư tưởng.

Như toán học toàn thể đều nương theo số một mà làm chung đứng. Nhưng số 1, nguồn gốc của các số, vẫn chỉ là một lối tưởng tượng chớ không phải thiệt sự. Như nói một đồng bạc là vì ý-tưởng cho đồng bạc đó là số một mà nói, thiệt ra đồng bạc đó chắc gì là một, nó là 10 giac, 100 xu kia mà !

Nói tóm lại, tuy khoa-học trọng về sự tai nghe mắt thấy, nhưng sự tai nghe mắt thấy của khoa-học lại nương theo những sự không thể tai nghe mắt thấy do tư tưởng tạo thành, mà làm chung đứng. Khoa học đã lấy tư tưởng làm chung đứng thì khoa học không thể bát triết lý được.

Vậy nên những nhà khoa học chơn chánh bao giờ cũng biết chỗ lù mù của mình mà gắng sức đem tư tưởng tìm cho ra mối, bao giờ cũng kính phục tư tưởng, cũng yêu-quí tư tưởng, việc gì đều gì cũng phải học đến nơi, nghiệm đến chốn rồi mới dám nói, chớ không bao giờ chịu đứng trong vòng chật hẹp của sự tai nghe mắt thấy.

Phật-học chú-trọng về thiệt-nghiệm nên rất ám-hiệp với khoa-học. Trình-đó Phật-học có thể chia ra 3 thời-kỳ :

a) Thời-kỳ tư tưởng, nương theo sự tai nghe mắt thấy mà tưởng tượng cái tâm-tánh chơn-thiệt.

b) Thời-kỳ thiết-hành, theo cảnh - giới đã tưởng-tượng, ra công đào luyện, làm phen thí-nghiệm để cho đến chỗ thiết chứng.

c) Thời kỳ thiết - chứng, nghĩa là hiện hiện chứng biết tâm tánh chơn-thiết.

Cái tâm đã chứng biết được tự-tánh đó tức là Bồ-Đề tâm. Phát Bồ-Đề tâm rồi lại phải y như đức-tánh của Bồ-Đề tâm mà thiết-hành, lấy đại-bi làm nguồn gốc để cho hiệu-dụng của Bồ-Đề tâm mỗi ngày mỗi thêm rộng lớn.

Hiệu-dụng theo đại-bi là độ-sanh; mà độ-sanh thì cần phải theo tâm-tri của chúng sanh mà dạy vẽ, để cho chúng sanh tin được hiểu được, thì về sau chúng-sanh mới phát tâm tu-hành và chứng được tâm-tánh.

Nhưng khốn-nỗi, chúng sanh nào biết tâm là chi đâu; nếu nói tâm là tâm thì không ai hiểu cả. Vì vậy nên phải phương-tiện nói cách nầy thế khác, bất sự mê lầm, chỉ đường giác-ngộ cho đến khi họ tự nghiệm mà rõ tâm-tánh.

Vì như có người lên núi thấy rõ con phụng, về nói lại với người khác, nếu chỉ nói phụng là phụng thì không ai hiểu, nên phải tìm cách nói con phụng: cổ như cổ công, đầu như đầu gà, đuôi như đuôi trĩ, lông thế nào cánh thế nào vãn vãn, để cho họ có thể mường tượng con phụng là chi; thiết ra phụng là phụng, chớ chẳng phải gà, chẳng phải công, chẳng phải trĩ. Những người đã nghe như vậy, nếu muốn biết phụng là chi thì phải gắng sức thiết-hành đi tìm con phụng; nếu không gắng sức đi tìm, thì dầu nghe đến bao nhiêu cũng chỉ biết công, biết gà, biết trĩ, chớ không khi nào biết được phụng.

Phương tiện của Phật cũng vậy; những người đạo Phật muốn rõ chỗ Phật muốn chỉ, cần phải thiết hành, thiết hành là cái kết quả phải có của sự tham học, là nguyên nhân phải có của sự tu chứng. Lời thiết hành của đạo Phật vẫn đặc biệt, nhưng nó là một lối thiết hành rất mạnh mẽ, rất dõ dạc, rất chơn chánh, là một lối thiết hành có mục đích, có giá trị, vì nó

có thể phá một cái dốt nhiều đời nhiều kiếp : cái dốt không tự biết tâm mình.

#### 4. — Tinh thần hùng dũng của đạo Phật

Trong thế-gian, vì danh vì lợi, vẫn có tinh thần hùng dũng ; nhưng cái tinh thần hùng dũng ấy đã do danh lợi tạo thành thời trong khi không thể được danh lợi, nó cũng không còn, nên tuy là hùng dũng, nhưng vẫn có hạn lượng.

Người đạo Phật đã rõ lý vô ngã, vô Nhơn, vô chúng sanh, vô thọ giả, nên có cái tinh thần hùng dũng rất đặc biệt : tinh thần ấy trong đạo Phật gọi là vô-úy. Vô-úy chẳng phải là có cái đáng sợ mà không sợ, thiệt là vì không có cái chi phải sợ nên không sợ. Ngài Huyền-Trang một mình qua Sa-mạc, lên non Tuyết không sợ chết là nhờ tinh-thần vô-úy. Các vị Tổ-sư lặn ngài vào non xanh tham-thuyền không sợ đau ốm, không sợ thú dữ cũng nhờ tinh thần vô-úy.

Người đạo Phật phát Bồ-Đề-tâm rồi thì thiệt là hùng dũng, duy còn sợ một việc là sợ làm điều quấy có thể tổn hại cho chúng-sanh mà thôi ; ngoài ra thì danh lợi như bọt nước, cảnh giới như chiêm bao, sống chết như huyền hóa, thân thể như cỏ cây, không còn điều chi phải sợ cả. Hùng dũng như vậy mới thiệt là hùng dũng, hùng dũng theo việc lành, hùng dũng theo chánh pháp, không sợ nghèo đói, không sợ rách rưới, không sợ biếm nhẽ chế cười, mà cũng không sợ yếu đau già chết.

Nói rút lại, «bốn lời cải-cách, độc-lập, thiệt-hành, hùng-dũng» của đạo Phật mới thiệt hoàn-toàn ; nó có tóm trong bốn lời hoằng-thệ :

« Chúng sanh vô-biên thế nguyện độ » là lời hùng-dũng rất cao-thượng :

« Phiền-não vô-tận thế nguyện đoạn » là lời cải-cách rất rứt rạo ;

« Pháp-môn vô-lượng thế nguyện học » là lối thiếthành rất cường-quyết;

« Phật-đạo vô-thượng thế nguyện thành » là lối độc lập rất viên-mãn.

Vậy thì biết : Phật-học rất hiệp với đời, rất hiệp với tâm-trí của bạn thanh-niên. Anh em thanh-niên đã sẵn có cái tinh-thần cải-cách, độc-lập, thiếthành, hùng-dũng, nếu muốn khỏi ồng phí một đời, khỏi sống một cái sống không mục-đích, thì hãy đem tinh-thần ấy mà dùng theo Phật-pháp. Được như vậy thì anh em sẽ được cái vui của người thường làm lành, cái vui của người không sợ khổ; và anh em sẽ rõ: duy có đạo Phật là thiếthiệp với đời, duy có đạo Phật là có thể tạo-thành hạnh-phúc đầy đủ cho nhơn-loại.

VIÊN-ÂM





## — PHẬT HỌC DỊ GIẢI

*Bôn mươi tám lời nguyện của đức Phật A-Di-Đà  
(tiếp theo và hết)*

7. — Khi tôi thành Phật, loài người và chư thiên trong nước đều đặng thiên-nhi; nếu còn có người không nghe được trăm ngàn ức vô số chư Phật thuyết pháp, quyết chẳng thành Phật.

8. — Khi tôi thành Phật, loài người và chư thiên trong nước đều đặng tha-tâm-trí; nếu còn có người không biết được tâm-niệm của chúng sanh trong trăm ngàn vạn ức vô số Phật-độ, quyết chẳng thành Phật.

9. — Khi tôi thành Phật, loài người và chư thiên trong nước đều đặng thần-túc; nếu còn có người trong một niệm không thể đi qua khỏi được trăm ngàn vạn ức vô số Phật-độ, quyết chẳng thành Phật.

10. — Khi tôi thành Phật, loài người và chư thiên trong nước đều không tham-chấp thân mình; nếu không đặng vậy, quyết chẳng thành Phật.

11. — Khi tôi thành Phật, loài người và chư thiên trong nước đều chứng Pháp-thân, về sau chắc được quả Phật; nếu không đặng vậy, quyết chẳng thành Phật.

12. — Khi tôi thành Phật, hào-quang chói sáng không có hạn lượng, tất cả chúng sanh cõi khác đã thấy được hào quang ấy thì đều bỏ dữ làm lành; nếu không đặng vậy, quyết chẳng thành Phật.

13. — Khi tôi thành Phật thì thọ-mạng không có hạn lượng; nếu không sống đến ngàn trăm ức vô số kiếp, quyết chẳng thành Phật.

14. — Khi tôi thành Phật, hàng Thanh-Văn trong nước, số kẻ không biết; nếu chúng sanh trong đại-thiên thế-giới đồng thành Duyên-Giác cùng nhau tính kẻ trăm ngàn kiếp mà biết được số ấy, quyết chẳng thành Phật.

15. — Khi tôi thành Phật, loài người và chư thiên trong nước sống lâu không ai kẻ biết, trừ khi phát nguyện thọ-sanh về chỗ khác; nếu không dặng vậy, quyết chẳng thành Phật.

16. — Khi tôi thành Phật, loài người và chư thiên trong nước không có tiếng chỉ những sự dữ hay sự chẳng lành; nếu không dặng vậy, quyết chẳng thành Phật.

17. — Khi tôi thành Phật, mười phương chư Phật đều ngợi khen công đức và quốc-độ của tôi và khiêu đệ-tử phát nguyện sanh về nước tôi; nếu không dặng vậy, quyết chẳng thành Phật.

18. — Khi tôi thành Phật, nếu chúng sanh trong mười phương hết lòng tín-ngưỡng cầu sanh về nước tôi, niệm mười niệm mà không dặng sanh, quyết chẳng thành Phật: duy trừ những người phạm tội ngũ-nghiệp và những người hủy báng chánh-pháp.

19. — Khi tôi thành Phật, nếu chúng sanh trong mười phương phát Bồ-Đề-tâm, tu các công đức, một lòng cầu sanh về nước tôi, mà trong khi lâm-chung, tôi không thể cùng đại-chúng hiện đến trước mặt người ấy để tiếp-dẫn, thì quyết chẳng thành Phật.

20. — Khi tôi thành Phật, chúng sanh trong mười phương nghe tên hiệu tôi, thường nhớ nghĩ đến nước tôi, hết lòng làm các việc công-đức để được sanh về nước tôi, nếu không được mãn nguyện, quyết chẳng thành Phật.

21. — Khi tôi thành Phật, loài người và chư thiên trong nước đủ 32 tướng tốt; nếu không dặng vậy, quyết chẳng thành Phật.

22. — Khi tôi thành Phật, các vị Bồ-Tát cõi khác sanh về nước tôi đều đặng bực nhưt-sanh bồ-xứ, trừ ra khi muốn hiện thân trong các cõi khác để hóa độ chúng sanh.

23. — Khi tôi thành Phật, Bồ-Tát trong nước, trong một bữa ăn đều có thể cúng dường đủ vô lượng vô số chư Phật; nếu không đặng vậy, quyết chẳng thành Phật.

24. — Khi tôi thành Phật, Bồ-Tát trong nước muốn có vật gì để cúng dường Phật đều đặng như ý; nếu không đặng vậy, quyết chẳng thành Phật.

25. — Khi tôi thành Phật, Bồ-Tát trong nước đều trọn đủ tri-huệ, đều khéo giảng diễn những nghĩa lý bí-yếu trong Phật-Pháp; nếu không đặng vậy, quyết chẳng thành Phật.

26. — Khi tôi thành Phật, Bồ-Tát trong nước đều đặng thân Kim-Cang oai nghiêm mạnh mẽ, nếu không đặng vậy, quyết chẳng thành Phật.

27. — Khi tôi thành Phật, hết thảy muôn vật trong toàn quốc đều nghiêm-tĩnh chói sáng, hình sắc tốt đẹp, huyền-diệu tốt bực, dầu cho những người có thiên-nhãn cũng không thể biết hết; nếu không đặng vậy, quyết chẳng thành Phật.

28. — Khi tôi thành Phật, trong nước có bửu-thọ, hào-quang vô lượng chói đến trăm ngàn do-tuần; nếu Bồ-Tát trong nước không rõ biết hào-quang như vậy, quyết chẳng thành Phật.

29. — Khi tôi thành Phật, Bồ-Tát trong nước thọ-tri tụng đọc kinh điển đều hiểu rõ nghĩa lý, giảng giải không lầm; nếu không đặng vậy, quyết chẳng thành Phật.

30. — Khi tôi thành Phật, tài thuyết-pháp của Bồ-Tát trong nước không có hạng lượng; nếu không đặng vậy, quyết chẳng thành Phật.

31. — Khi tôi thành Phật, quốc-độ thanh-tịnh, soi khắp mười phương vô-lượng vô-biên thế-giới chư

Phật như bóng trong gương; nếu không dặng vậy, quyết chẳng thành Phật.

32. — Khi tôi thành Phật, từ đất lên trời cho đến hư-không, những cung điện lâu-các, cây hoa ao suối, hết thấy muôn vật đều là các đồ quý báu vô giá, trăm ngàn giống hương thơm hiệp thành, mùi hương bay khắp mười phương thế-giới, các vị Bồ-Tát nghe mùi hương đều tu diệu-hạnh của Phật; nếu không dặng vậy, quyết chẳng thành Phật.

33. — Khi tôi thành Phật, mười phương vô lượng thế giới các loài chúng sanh, nếu dặng hào-quang tôi chạm nơi mình thì thân tâm hiền lành hơn các cõi trời, nếu không dặng vậy, quyết chẳng thành Phật.

34. — Khi tôi thành Phật, mười phương vô lượng thế giới tất cả chúng sanh hãy nghe dặng tên tôi thì đều dặng thậm-thâm tam-muội, vô-sanh pháp-nhãn của các vị Bồ-Tát, nếu không dặng vậy, quyết chẳng thành Phật.

35. — Khi tôi thành Phật, mười phương vô-lượng thế giới, các người con gái nghe tên tôi, có lòng tín-ngưỡng phát Bồ-Đề tâm, nếu không muốn sanh ra con gái mà đến khi lâm-chung còn chịu thân con gái, quyết chẳng thành Phật.

36. — Khi tôi thành Phật, mười phương các vị Bồ-Tát nghe dặng tên tôi thì đời nào đời nào cũng đều tu hành cho đến khi thành Phật; nếu không dặng vậy quyết chẳng thành Phật.

37. — Khi tôi thành Phật, mười phương vô lượng thế-giới loài người và chư thiên nghe được tên tôi cung kính lễ bái, hết lòng tín ngưỡng tu hạnh Bồ-Tát thì cả loài người và chư thiên thấy đều kính mến; nếu không dặng vậy quyết chẳng thành Phật.

38. — Khi tôi thành Phật, loài người và chư thiên trong nước muốn bần y-phục thì liền có y-phục đến ngay; Y-phục nhiệm mầu không có dấu may, không thể như lớp, không thể hư cũ, như Pháp-phục của Phật liền hiện nơi mình; nếu không dặng vậy quyết chẳng thành Phật.

39. — Khi tôi thành Phật, loài người và chư thiên trong nước, nếu không vui sướng như các bậc vô-lậu, quyết chẳng thành Phật.

40. — Khi tôi thành Phật, Bồ-Tát trong nước tùy ý muốn thấy mười phương vô lượng Phật-sát, liền thấy trong hào-quang của Bảo thọ như soi bóng trong gương ; nếu không đặng vậy, quyết chẳng thành Phật.

41. — Khi tôi thành Phật, Bồ-Tát trong cõi nước khác từ khi nghe được tên tôi cho đến khi thành Phật, nếu sáu căn không đủ đức dụng rộng rãi, quyết chẳng thành Phật.

42. — Khi tôi thành Phật, Bồ-Tát trong nước khác nghe đặng tên tôi đều đặng phép thanh-tĩnh giải thoát tam-muội ; trong một giây lát có thể cúng dường vô số đức Phật mà tâm vẫn định ; nếu không đặng vậy, quyết chẳng thành Phật.

43. — Khi tôi thành Phật, các vị Bồ-Tát trong cõi nước khác, nghe được tên tôi, đến khi lâm-chung đều sanh trong các nhà tôn quý, nếu không đặng vậy, quyết chẳng thành Phật.

44. — Khi tôi thành Phật, các vị Bồ-Tát trong cõi nước khác nghe được tên tôi mà vui mừng hơn hỷ, tu hạnh Bồ-Tát thì đều đầy đủ tất cả công đức ; nếu không đặng vậy, quyết chẳng thành Phật.

45. — Khi tôi thành Phật, các vị Bồ-Tát nghe được tên tôi, đều được phép phồ-đẳng tam-muội, thường thấy vô lượng vô số Phật cho đến khi thành Phật ; nếu không đặng vậy, quyết chẳng thành Phật.

46. — Khi tôi thành Phật, Bồ-Tát trong nước chi nguyện muốn nghe pháp chi liền được nghe pháp ấy, nếu không đặng vậy quyết chẳng thành Phật.

47. — Khi tôi thành Phật, các vị Bồ-Tát trong cõi nước khác nghe được tên tôi thì liền đặng bậc « bất thối chuyển » ; nếu không đặng vậy, quyết chẳng thành Phật.

48. — Khi tôi thành Phật, các vị Bồ-Tát trong cõi nước khác, nghe được tên tôi thì liền chứng đặng ba món pháp nhân ; nếu không đặng vậy, quyết chẳng thành Phật.

# LỜI PHÊ-BÌNH VIÊN-ÂM NĂM THỨ NHẤT CỦA CÁC NGÀI CHÚNG - MINH ĐẠI-ĐẠO-SU'

VIÊN ÂM xuất bản đến số 12 là đủ một năm ; về lối ứng cơ thuyết pháp, tòa soạn Viên-Âm biết phương-tiện mượn những lời lẽ phổ thông mà chỉ bày diệu-pháp của Phật, thiết cũng đáng khen. Tuy trung có một vài chỗ, tuy đối với sơ cơ có phần dễ hiểu, nhưng đối với những độc giả đã coi mãn năm Viên-Âm thì cần phải chỉ lại để về sau khỏi sự lầm lạc.

## Viên Âm số I

Trong bài «chữ đạo» giảng nghĩa đạo là con đường, rất tiện lợi cho sơ cơ, nhưng cũng nên biết rằng chữ đạo lại có nghĩa là chơn-lý bình-đẳng như-như của pháp giới.

Khi học, khi hiểu, khi tham-cứu, tu tập để dứt trừ những thói mê lầm là học đạo. Khi chứng thấy rõ chơn-lý bình-đẳng như-như là kiến-đạo. Ý như chơn-lý mà phát-khể diệu dụng là tu đạo. Đến khi diệu-dụng của chơn-lý hoàn toàn viên-mãn là thành Phật đạo.

Nói như vậy mới đúng với quĩ-địa tu chứng của đại-thừa Phật-giáo, chớ nói như trong bài «chữ Đạo» là chỉ nói về phần tự-giác mà thôi.

Trong bài Tam-qui ngũ-giới:

Về lý «tam qui», tự qui-y Phật nên cốt nghĩa là qui-y tự-tâm thanh tịnh viên giác tánh, tự qui-y Pháp là qui-y tự tâm pháp giới duyên khởi tánh; tự qui-y Tăng là qui-y tự tâm tự tại giải thoát tánh.

Hễ đã biết qui-y tự tâm thanh tịnh viên giác tánh rồi thì qui-y hằng sa chư Phật cũng là qui-y tự tâm thanh

ình viên giác lánh mà thôi, chứ không phải qui y tự Phật mà không qui y với tha Phật đâu.

Cũng trong bài ấy, có câu: "có hình tướng thì có sanh diệt, không hình tướng mới không sanh diệt" nói tuy dễ hiểu, nhưng còn khuyết điểm; muốn nói cho lúng thì phải nói: "có tướng. (tướng hữu hình, tướng vô hình, tướng nhơn, tướng ngã, tướng tu, tướng chúng, bản vãn), thì có sanh diệt, không tướng mới không sanh diệt".

Cũng trong bài ấy, về ngũ giới, giới thâu-đạo tức là giới bất-dự-thủ: những của có chủ, mà người chủ không cho, mình tự tiện lấy là phạm giới.

### Viên-Âm số II số III

Bài "chữ tâm" trong số hai, bài "vị ngã" trong số ba thượng-tiện rất hay, nhưng đến khi thấy được « vạn-pháp duy-tâm » hay thấy được « chơn-ngã vô ngã » rồi, thì lại cần phải bước lên một bước, phá thức ám đặng chứng đắc khã-tư-nghĩ cảnh-giới, chứ đừng lạc vào Niết-Bàn của hệ-thừa, hay thần-ngã của ngoại đạo.

### Viên-Âm số IV

Về bài « cái hồn », phương tiện phá thường-chấp của ngoại-đạo rất đúng lý, nhưng muốn cho độc giả khỏi ghi ngờ, cũng nên cho biết rằng: cái hồn, theo lối thông thường là ý thức, khi ngũ dãn không có hướng, ắt là khi chết. Đến như cái làm cho sống đó là thức lực và bát thức, còn cái thụ sanh đời này đời khác là bát thức và nội-phần thất thức, nó hiện ra có tử hữu, trung hữu và sanh hữu. Bát thức của chúng ta hiện-hạnh vô thường nên không thể nói là thường; hằng-tử không đoạn nên không thể nói là đoạn; không hải thường, không phải đoạn mới hiệp với trung đạo của Phật-giáo.

Về bài 'thanh-văn-thừa' trong đạo để vì thì giờ ngắn ngủi chỉ giảng bát chánh đạo, nhưng thiết ra bát chánh đạo là lỗi tu của những bậc Thanh-Văn đã kiến đạo.

Người sơ tâm muốn tu phép Thanh-Vân phải bắt đầu tu từ-niệm-xứ mới được. Cũng nên giảng một kỳ riêng về 37 phép trợ đạo cho độc-giả khỏi phải lăm lặc. Có vẻ quả A La Hán, nói khư khư giữ chắc cái giải-thoát của mình thì có phần không đúng, vì bậc A La-Há đã chứng được tánh giải-thoát, không cần phải gì nữa. Bậc ấy còn pháp-chấp, chưa được điều-dụng rộng lớn của đại-thừa, chớ không phải thiết không để sanh hành đạo.

### Viên Âm số 10

Bài đại ý kinh Thủ Lăng-nghiêm lời lẽ rất đúng thiết có ích cho độc giả: Nhưng đối với văn kinh, ở mục « cái năng suy không phải là tâm » mà chỉ ba cái sở suy, thì có chiu chưa hiệp; vì thiết ra trong đoạn kinh ấy, Phật cốt chỉ cho ông A Nan biết có « tự tánh ly trần bản hữu » chớ không chỉ khác. Tu vậy, toàn bài rất đúng viên lý, độc giả cần phải xem đi xem lại bài ấy thời mới nhận được cái « tự-tánh ly trần bản hữu. »

∴

Toàn thể nguyệt san Viên Âm đều kẻ hiệp với Phật pháp, chúng tôi chỉ những chỗ ấy chẳng phải trích bất nhưng cốt cho độc giả dễ ý khỏi hiểu lầm đó thôi.

Mục « thơ từ vàng lai » làm bài rất có giá trị, nhưng tòa soạn nên biết rằng thời đại này là thời đại đầy tránh kiên cố: trừ ra khi phải hộ pháp thì tòa soạn nên tránh những việc cãi cọ như tránh hang lửa cho khỏi phụ cái tên Viên Âm quý hóa.

GIÁC-TIÊN  
GIÁC-NHIÊN



---

# ĐỐI VỚI BÀI « PHÚC BIỆN CÁI HỒN » CỦA TỪ-BI-ÂM

Mới rồi Từ-Bi-Âm có đăng bài « Phúc-biện cái hồn », tuy bài đăng chưa đủ, nhưng trong bài đã có lắm điều cần phải giải quyết. Bài ấy có hai phần: một phần là thơ của ông N. C. T. ở Sadec, một phần là lời biện-luận của Hòa-Thượng B. L., xin lục tục thương-thuyết như sau này:

## 1. — Về thơ của ông N. C. T.

### A. — Nguyên thơ: a) Vấn-đề thứ nhất

Nhơn xem tạp-chí « Viên-Âm » số 4, nơi quyền đầu-ngũ, về khoản luận « cái hồn », thì thấy nói không rành, khiến nên còn chút nghi ngờ, mà lâu nay tạp-chí « Từ-Bi-Âm » cũng không thấy giải quyết về vấn-đề ấy.

Tôi trộm nghĩ rằng: « Cái thuyết linh-hồn mỗi người mà không biểu được rành, thì sự nhơn-quả và sự tu hành sau này không được kiên-cố và sốt sắng chăng ? »

Lâu nay cũng có đại-đa-số người bàn luận về cái hồn, nhưng không thấy mấy ai nói được rành và thiết trúng cả, thành thử vấn-đề « cái hồn » cũng vẫn còn mù mờ hoài, mà không được giải quyết.

Thế-gian thường tưởng hồn là một vật vô hình nhập vào xác thịt, hồn rất khôn ngoan sáng suốt, nên khi chết thì nói hồn ly khỏi xác, khi ngủ chiêm-bao thì nói hồn đi chơi, hoặc có làm việc gì thì cũng tưởng là hồn mình làm, khi thức dậy thì nói hồn nhập xác.

Cho đến những sự nhập cốt ngồi đồng cũng cho là một cái hồn khác nhập vào, đến nhà thôi-miên-thuật lại đem

riêng một cái hình lơ mờ ra ngoài xác thịt, rồi gọi đó là hồn khi chích kim vào, hình ấy cũng biết đau, khi đánh cây vào hình ấy cũng biết nhức nữa.

Đó là theo ý-tưởng thông thường của thế-gian cho cái hồn cũng có mắt mũi tay chun, biết thấy, biết nghe, biết thương, biết ghét như người thường chỉ khác vì người sống không thể thấy được mà thôi.

Nhưng tạp-chí «Viên-Âm» lại cho là không phải như vậy, nghĩa là không có cái hồn như người thế-gian tưởng-tượng đó, rồi tạp-chí ấy lại nói rằng:

Chỉ có một cái làm cho thân sống, mà cái ấy cũng chẳng có mắt, mũi, tay, chun chi, cái ấy lại cho con người có tư-tưởng, làm cho mắt thấy, tai nghe, cái ấy, chẳng làm sống riêng cho một thân nào và một đời nào cả.

Trong khi cái ấy làm cho thân sống, rồi thân của ta mới theo cảm-giác của loài người mà phân-biệt là thân, là cảnh, là mình là người rồi tưởng-tượng cái ấy có mắt, mũi, tay, chun, chớ thiệt ra thì không phải thế.

Nếu nói như vậy thời tôi e cho phản-đối với kinh Phật đi chẳng?

Vì nếu nói rằng: hồn không mắt, mũi, tay, chun, thì ở nơi Địa-ngục hành-hình những hồn có tội, thì hồn ấy có hình có thân đâu mà hành mà phạt, có mắt mũi tay chun đâu mà bầm cưa chặc mổ. Vậy thì sao trong kinh Phật lại nói Địa-ngục hành-hình đủ cách gớm ghê!

Nào là mổ bụng, chặc tay, khoét mắt, cắt lưỡi, nấu dầu, nào là rùng kiếm, non đao, cột đồng đốt lửa; như vậy thì những thân những hình những mắt mũi tay chun ở đâu mà hành mà chặt đó?

Vậy chẳng là trong kinh bày đặt hay sao?

Nếu nói rằng: hồn không có cái tánh biết, không biết thấy, biết nghe, không biết thương, biết ghét, không biết vui, biết buồn thì thành ra hồn là vật vô-tri rồi.

Nếu hồn đã không tánh biết, thì dầu cho hồn có hình đi nữa, thì những qui đầu trâu ở nơi Địa-ngục đem hành hình cũng không ích gì.

Nếu hồn đã là vô-tri vô-giác rồi, đã không biết buồn biết vui, không biết có mình, có người, thì đâu có biết đau biết khổ, mà hành mà phạt làm chi cho ưởng công.

Vậy thì những tiếng kêu la than khóc ở nơi Địa-ngục do đâu mà có ra đó ?

Như vậy thì cái thuyết «hồn» không mắt, mũi, tay, chun, không thấy không nghe, không hay không biết, sợ e không được trúng chãng ?

*b.) Vấn-đề thứ hai*

Nếu thế-gian hễ có người nào trong quyền-thuộc rũi ly-trần, thì trong tang-quyển ấy lo làm tuần, làm thất, cúng nước dâng cơm, nhưng không biết hồn của người đã chết đó có ăn uống được không? Hay là mắc theo qui-tốt mà châu Diêm-chúa ?

Gia dĩ làm kho làm lầu, làm nhà minh-khí, đốt giấy áo giấy quần, đốt giấy vàng giấy bạc, mà không biết hồn ấy có lãnh thọ được chãng ? Có ở được những nhà những lầu đó chãng ? Có mặc được những quần áo đó và có xài được những vàng bạc đó chãng ? Hay là theo qui đầu-trâu vào nơi ngục-thất mà thọ khổ ?

Nếu hồn ấy không ăn ở được, không xài và không mặc được, thì sự hành-động của người thế-gian như vậy, chãng là thêm một điều dị-đoan cho đời, và lại làm cho hao tiền tốn của một cách vô-ích đi chãng ?

..

**B. — Trả lời thơ của ông N. C. T.**

*a) Vấn-đề thứ nhất*

Thưa ông, trong thơ ông lấy chỗ chúng sanh ở Địa-ngục chịu khổ sở mà cho rằng chúng tôi phản-đối với kinh Phật, là vì ông không biết phép tứ-y của đạo Phật,

Tứ-y là :

- 1.) Y pháp bất y nhơn,
- 2.) Y nghĩa bất y ngữ.
- 3.) Y liễu nghĩa kinh bất y bất liễu nghĩa kinh.
- 4.) Y tri bất y thức.

Phật là Pháp-Vương, thuyết pháp rất tự tại, nên tùy theo căn cơ của thính giả chỉ vẽ đường tu, khi nói hữu, khi nói vô, vẫn không có pháp nhất - định. Mục đích của người học Phật-pháp là phải rõ chỗ Phật chỉ, chớ không nên câu nệ nơi lời nói, hưởng chỉ những kinh chỉ về Diêm-Vương, về trung-ấm là những kinh bất-liễu-nghĩa. Trong các kinh Phật thường tùy theo học-thức của hiện thời mà nói, như nói Phạm chúng xuống ăn đất làm người, mặt trời đi quanh núi Tu-di, vân vân ; đó là vì Phật ra đời để chỉ rõ chơn-lý của vũ-trụ chớ chẳng phải để dạy các môn khoa-học, sử-học. Nếu trước khi thuyết pháp Phật phải dạy các môn ấy — (các môn đó do nghiệp - thức chúng sanh tạo thành, thiệt ra chỉ là chơn-như) — thì bao giờ chúng sanh mới nghe được Phật-pháp. Phật đã không chỉ dạy các môn ấy, thời phải luận lý theo học-thức của thế gian hiện thời cho khỏi cái lỗi 'thế gian tương vi' trong 'nhơn-minh' chớ không chi khác. Vả lại kinh Phật có nói : 'chúng sanh Địa-ngục thì hóa-sanh', hóa sanh nghĩa là hiện hóa ra sắc thân chớ nào phải nói hồn không có thân xuống Địa-ngục chịu khổ đau. Cũng như nói đọa về Súc-sanh, nào phải nói Súc-sanh có cái hồn người ta đâu.

Đến như chúng tôi nói cái làm cho thân sống không có tư tưởng, không có phân biệt, là vì muốn chỉ rõ cái tư-tưởng phân biệt là gián-đoạn, không phải thiệt là tâm-tánh. Tâm vẫn có tánh biết, nhưng cái tánh biết đó có tùy duyên phát hiện các pháp rồi mới tư-tưởng phân-biệt được. Vạy tôi xin biện-bạch như vậy :

Ông nói : « cái hồn không có thân đi xuống Địa-ngục chịu các sự khổ sở », là trái với kinh Phật, vì Phật dạy,

những người dử sau phải hóa-sanh về Địa-ngục mà hóa-sanh là có thân chứ không phải không thân; ông nói như vậy thì nào khác chi nói: hồn người ta chun vào bụng ngựa, sanh ra con ngựa có hồn người !! xin ông xét lại.

b.) Vấn-đề thứ hai.

Ông lại viện những lối cúng của thế gian mà nghĩ rằng có cái hồn. Thưa ông, ông phải là người đạo Phật không ? Ông có tin luân-hồi không ? Ông có biết thần thức nhiều nữa là 49 ngày phải đầu thai không ? Nếu ông tin theo đạo Phật thì ông tự biết những lối đốt giấy đốt kho là lối dị-đoan ; chỉ vì Tăng-già thất học nên nó mới xen lộn vào trong đạo Phật, làm cho chơn-lý của đạo Phật phải lờ mờ u ám. Người học Phật phải tin chắc nơi các kinh liễu-nghĩa của Phật và trừ các môn dị-đoan đã xen lộn trong Phật pháp để cho chơn tướng của Phật-pháp có ngày thiệ-hiện.

Thưa ông, đã tin có luân-hồi, lại tin có hồn về ăn ky, máu thuần biết là đường nào.

Ngày kỵ là một ngày kỷ-niệm công ơn cha mẹ, tình nghĩa quyến thuộc, chớ nào có ai ăn uống chi dân. Trong các ngày ấy thì nên tụng kinh, trì chú, niệm Phật mà hồi hướng cho cha mẹ anh em trong vô-lượng vô số kiếp đều nhờ công đức ấy mà thoát ly khổ não. Đến như những lối làm nhà minh kbi, đốt áo quần vàng bạc và những lối mê tín cần phải bỏ hẳn. Ôi, vì mê tín chen vào đạo Phật, làm cho cả 24 triệu tín-đồ, không thấy một người chứng quả, thiệt rất đau đớn !

Chúng ta là học trò Phật, lẽ nào nỡ ngồi xem các môn dị-đoan che lấp Phật-pháp mà không tìm phương cải chánh ; xin ông lượng nghĩ.

..

II.— Về lời phúc-biện của Hòa-Thượng Bích-Liên

Phàm bàn luận về việc gì, cần phải định danh. Viên-Ám chúng tôi đã định tánh cách cái hồn rõ ràng, vậy Hòa-Thượng B.L. biện-luận đây là biện-luận theo lối định tánh-

cách cái hồn của chúng tôi hay là không theo. Nếu theo thì nhiều chỗ sai lầm lắm. Nếu như không theo thì nói mỗi người mỗi ngã, như một người nói về chữ «nhi» là «mà», một người nói về chữ «nhi» là «con», đã không ăn chung gì, lại cũng không thành lối biện-luận nữa.

Như Hòa-Thượng muốn nói đệ-bát-thức thì cứ nói đệ-bát-thức, muốn nói trung-ấm-thân thì cứ nói trung-ấm-thân, hai cái ấy nó có hành-tướng rõ ràng, việc gì phải nhập chung nó với cái hồn là một cái danh hiệu không có trong kinh-diễn.

Nếu biện luận về cái hồn là một danh-từ không có trong kinh-diễn mà không định nó ra là cái gì, thì làm sao biện luận được.

Hòa-Thượng khi nói cái hồn là đệ-bát-thức, khi nói là trung-ấm-thân, làm cho chúng tôi càng nghi ngờ lắm.

Trong Phật-pháp danh-từ tuy nhiều, nhưng danh từ nào là có nghĩa ấy, hành-tướng đều phân-minh như trong kinh luận đã dạy; chẳng những trung-ấm-thân không phải là A-ly-da-thức mà đệ-bát-thức cũng lắm khi không phải là A-ly-da-thức nữa.

Chúng tôi không ưa những cái lù mù, nên xin hỏi Hòa-Thượng :

1.) Hòa-Thượng có nhận cái hồn y như lối định tánh cách của chúng tôi không ?

2.) Phỏng như y lối định tánh cách của chúng tôi, thì bài cái hồn của chúng tôi có chỗ nào sai, xin Hòa-Thượng chỉ giùm.

3.) Hoặ như Hòa-Thượng hiểu cách khác thì xin nói cho biết :

a) Cái hồn có ngã-chấp hay không có ngã-chấp ?

b) Ngã chấp đó là cu-sanh ngã-chấp hay là phân-biệt ngã-chấp ?

c) Cái hồn trong khi sống có thể lìa xác thật không ?

d) Cái hồn có hành-tướng của lục - thức không ?

e) Như có, thì trong các món lục-thức, có những món nào ?

f) Trong cái hồn, 51 món tâm-sở có hiện-hạnh không?  
g) Như có thì tâm-sở nào hiện-hạnh, còn tâm-sở nào không hiện-hạnh?

h) Còn như Hòa-Thượng nói cái hồn là đệ-bát-thức, thì xin Hòa-Thượng cho biết Hòa-Thượng muốn nói về A-Đà-Na-Thức, về Sơ-năng-biến, về Sở-tri-y, về nhứt thể chủng-thức, về Di-thục-thức, hay về A-ly-da-thức? Trong ấy Hòa-Thượng muốn chỉ riêng về kiến-phần của đệ-bát-thức, hay chỉ về tự chứng phần, hay về chứng tự-chứng-phần?

Xin Hòa-Thượng trả lời rõ ràng cho, đừng về sau chúng tôi sẽ cùng Hòa-Thượng bàn luận về cái hồn một cách xác đáng.

Hòa-Thượng trả lời thì đăng ở Từ-Bi-Âm, chúng tôi sẽ trích-lục lại.

Viên-Âm chủ bút : Tâm Minh

### ĐỊNH CHÁNH SỐ 12.

- Trương 2, hàng cuối . . . . Supplément en Française  
Xin đọc . . . Supplément en Français
- Trương 10, hàng 8, 9 . . . . 'Bất tướng thành đạo' . .  
Xin đọc . . . 'Bất tướng thành đạo' . .
- Trương 12, hàng 6, 7 . . . . Gặp cảnh nghịch nên tâm  
sanh khổ não mà cảnh vật cũng hóa  
ra buồn rầu, tâm buồn chị em . .  
Xin đọc . . . Gặp nghịch cảnh nên tâm  
sanh khổ não, vì tâm khổ não mà  
cảnh vật cũng hóa ra buồn rầu, tâm  
buồn, cảnh buồn, chị em . . . . .
- Trương 34, hàng 34 . . . . Mâu-Phật . . . . .  
Xin đọc . . . Mâu-Ni-Phật . . . . .
- Trương 51, hàng 4 . . . . Phật học hiệu trường . .  
Xin đọc . . Phật học hữu trường
- Trương 51, hàng 6 . . . . Di-Lặc vĩ lai . . . . .  
Xin đọc . . Di-Lặc vĩ lai . . . . .
- Trương 55, hàng 20 . . . . Hiểu nam thiên . . . . .  
Xin đọc . . Hiểu nam thiên . . . . .
- Trương 60, hàng 1 . . . . . Supplément en Française  
Xin đọc : Supplément en Français

## ĐẠI Ý KINH THỦ-LĂNG-NGHIÊM

Ông A-Nan nghe Phật chính nơi thân sanh-diệt chỉ lánh bất-sanh-diệt, thì ông bạch Phật rằng: «Tánh-bất-sanh-diệt chúng tôi sẵn có, làm sao Thế-Tôn lại bảo rằng chúng tôi bỏ mất chơn-tánh, làm việc trái ngược, xin Phật từ-bi dạy bảo cho chúng tôi khỏi các sự lầm lạc.»

Phật bèn cúi tay xuống, chỉ tay lên, gạt khỏi ông A-Nan để cho ông thừa lại rằng: người thế-gian cho chỉ xuống là đảo, chỉ lên là chánh.

Phật đưa cánh tay như vậy là muốn khai-thị cho biết: Cánh tay là cánh tay, thế gian dầu nói chánh nói đảo, cánh tay vẫn không thêm bớt; tuy không thêm bớt mà khi chánh khi đảo, vẫn không phải là không phân biệt. So với thí dụ ấy thì biết chơn-tâm vẫn là chơn tâm, không thêm không bớt; nhưng thuận theo lối phân biệt danh tướng của thế gian mà nói, thì Như-Lai ngộ tất cả các pháp, dầu sắc, dầu tâm, dầu hữu-vi, dầu vô-vi, đều do chơn-tâm biến hiện, nên gọi Như-Lai là chánh-biến-tri. Còn chúng sanh mê lầm không biết là duy-tâm biến hiện, phân biệt nào là sắc, nào là không, nào là thân, nào là cảnh, nhận cái vọng-tướng làm tâm nên gọi là lánh điên-đảo.

Chơn-tâm như biển cả; chúng sanh không biết nhận cái chơn-tâm, chỉ nhận lầm cái vọng-tướng làm tâm, cũng như bỏ cả bể cả mà chỉ nhận cái bọt nước rồi lại lầm cho cái bọt nước đó là bể cả. Tuy mê thời chỗ thụ dụng có khác, nhưng bể vẫn là bể không vì sự nhận lầm mà nhỏ hẹp, tâm vẫn là tâm, không vì sự nhận lầm

mà thêm bớt. Vì nhận lầm cái vọng-tưởng là tâm nên gọi là mê. nên gọi là bỏ mất chơn-tánh; vì thiệt biết tâm-tánh nên gọi là ngộ. là chánh biến-tri; cũng như cùng một tay mà chỉ xuống chỉ lên thời có xuôi có ngược. Nhưng tay vẫn là tay, tâm vẫn là tâm, chẳng vì chỗ dùng khác nhau mà có thêm có bớt; tánh không thêm bớt đó chính là một tánh của như-lai-tạng-tâm vậy.

(còn nữa)

VIÊN-ÂM



## GỚI THIỆU SÁCH, BÁO

Chúng tôi tiếp được :

« TẬP KÝ-ỨC » và quyển « NHỰT-TỤNG » của HỘI PHẬT-GIÁO ở Hanoi gởi tặng ;

Tạp chí « ĐUỐC CHƠN-LÝ » (*Le Flambeau de la Vérité*) do ông Thoại Hà Nguyễn-hữu-Phùng chủ bút. Tòa soạn ở đường Boulevard Bartoli, Tân-an (Nam-kỳ). Giá đồng niên : 2\$40.

Chúng tôi xin cảm ơn « Hội Phật-giáo » và chào mừng bạn đồng-nghiệp mới « Đuốc-Chơn-Lý »

VIÊN-ÂM





# KINH DIỄN ÂM

THỦ-LĂNG NGHIỆM KINH (SURAMGAMA)

( TUC )

A-Nan thừa Phật bị cứu thâm hồi, thù khắp xoa thủ nhi bạch Phật ngôn : “Ngã tuy thừa Phật như thị diệu âm, ngộ diệu-minh-tâm nguyên sở viên-mãn-thường-trụ-tâm-địa ; nhi ngã ngộ Phật hiện thuyết pháp-âm, hiện dĩ duyên-tâm doãn sở chiêm ngưỡng ; đồ hoạch thủ tâm, vị cảm nhận vi bản nguyên tâm-địa. Nguyên Phật ai mãn, tuyên thị viên-âm, bạt ngã nghi-căn, qui vô thượng-đạo”.

Phật cáo A-Nan : “Như đẳng thượng dĩ duyên-tâm thính pháp, thủ pháp diệt duyên, phi đặc pháp tánh.

Như nhân dĩ thủ chỉ nguyệt thị nhân, bỉ nhân nhưn chỉ đương ưng khán nguyệt ; nhược phục quan chỉ dĩ vi nguyệt thể, thủ nhân khi duy vọng thât nguyệt-luân, diệt vọng kỳ chỉ ; hà dĩ cô : dĩ sở-tiêu-chỉ vi minh nguyệt cô. Khi duy vọng chỉ, diệt phục bất thức minh chỉ dữ âm, hà dĩ cô : tức dĩ chỉ thể vi nguyệt minh-tánh, minh âm nhị tánh vô sở liễu cô.

Như diệt như thị. Nhược dĩ phân-biệt-ngã-thuyết-pháp-âm vi như tâm giả, thủ tâm tự ứng ly phân-biệt-âm, hữu phân-biệt-tánh.

Thí như hữu khách ký tực lữ-đình, tạm chỉ tiện khứ, chung bất thường trụ ; nhi chương-đình-nhân đồ vô sở khứ, danh vi đình-chủ. Thủ diệt

như thị. Nhược chân như tâm tác vô sở khứ, vân hà lý thanh vô phân-biệt-tánh. Tư tác khi duy thanh-phân-biệt-tâm, phân-biệt-ngã-dung, lý chư sắc-tướng vô phân-biệt-tánh; như thị nãi chí « phân-biệt đó vô, phi sắc, phi không » Câu-Xá-Lý đẳng muội vi minh-đê, lý chư pháp duyên vô phân-biệt-tánh. Tác như tâm-tánh các hữu sở hoàn, vân hà vi chủ”.

(VI HOÀN)



## ĐỊNH CHÁNH VỀ MỤC KINH THŨ LĂNG NGHIỆM SỐ 12

Trương 18, hàng 7 (về chữ nhỏ). . . A-nan : « ngôn thể. .

Xin đọc : A-nan ngôn : « Thể. . . .

Trương 18, hàng 10, 11...trương hà vi chánh ? » Phật  
tức thụ tỳ. . . . .

Xin đọc...trương hà vi chánh ? » A-nan  
ngôn : « Như lai thụ tỳ, Đâu-la-miên  
thủ thượng chí ư không, tắc danh vi  
chánh.» Phật tức thụ tỳ, . . . .

Trương 22, hàng 17...Phật bảo ông A-Nan : « Đức  
Như-Lai đưa... , . . . .

Xin đọc : Phật bảo ông A-Nan : « Như  
người thế-gian gọi thể là đảo, thì  
thể nào họ mới gọi là chánh ? »

Ông A-Nan thưa : « Đức Như-Lai  
đưa . . . . .

Trương 24, hàng 10. . . . .Sắc thân. . . . .

Xin đọc. . . .Sắc thân, . . . . .

# KINH DIỄN NGHĨA

KINH THỦ LĂNG-NGHIÊM (SURAMGAMA)

(tiếp theo)

Ông A-Nan vàng nghe lời Phật từ-bi cứu-độ dạy bảo chín chắn như kia, tủi khóc tréo tay (1) mà bạch Phật rằng: “Tôi tuy vàng nghe diệu-âm (2) của Phật như vậy, ngộ cái tâm-địa (3) bản-lai viên-mãn thường-trụ (4) của diệu minh-tâm; (5) nhưng tôi ngộ là ngộ pháp âm của Phật vừa nói, tôi hiện đương đem tâm phan-duyên (6) mà thỏa chỗ trông mong của tôi. Tôi chỉ đặng cái tâm ấy, nhưng chưa dám nhận là bản-lai tâm-địa. Xin Phật thương xót, tuyên-bồ viên-âm (7), nhỏ gộc nghi ngờ của tôi, đem về đạo vô-thượng (8) ,,

1.) *Tréo tay*. — Theo phong tục Ấn-độ, tréo hai tay trước ngực là tỏ sự cung kính.

2.) *Diệu-Âm*. — Diệu-Âm là lời lẽ huyền-diệu.

3.) *Tâm-địa*. — Tâm vi như đất, các pháp do tâm biến hiện như cây cỏ; cây cỏ tuy thay đổi lớp này lớp khác, nhưng đất vẫn y nhiên không đổi; như thí-đụ đó nên gọi là tâm-địa, tức là cái tánh của tâm vậy.

4.) *Bản-lai viên-mãn thường-trụ*. — Viên mãn là trùm khắp mười phương, ba đời, đủ cả các pháp và đủ cả các công đức; thường-trụ là thường như vậy không thay đổi; bản-lai viên-mãn thường-trụ là thường như vậy không vì mê lầm có thời-gian mà sai khác.

5.) *Diệu minh-tâm*. — Diệu minh-tâm mới thiết là tâm vi biến hiện đủ các pháp nên gọi là diệu, vì thiết rõ biết các pháp nên gọi là minh.

6.) *Tâm phan-duyên*. — Cái tâm nương theo trần-cảnh mà phát hiện.

7.) *Viên-âm*. — Lời lẽ theo viên-lý của đạo Phật.

8.) *Đạo vô-thượng*. — Là đạo Phật, vì không có đạo gì hơn được nữa nên gọi là vô-thượng.

Phật bảo ông A-Nan: “Các ông còn đem tâm phan duyên mà nghe pháp thì pháp đó cũng là duyên, chớ không phải thiết đặng pháp-tánh. Như có người lấy tay chỉ mặt trăng cho người khác xem, người kia nên nhìn nơi ngón tay chỉ mà xem mặt trăng. Phỏng như người kia chỉ xem ngón tay mà cho đó là thể mặt trăng, thì chẳng những họ bỏ mặt vành trăng, (1) mà cũng bỏ mất cái ngón tay nữa. Bởi sao? Bởi lấy ngón tay chỉ mà cho là mặt trăng vậy. Lại chẳng những bỏ mất ngón tay mà cũng không biết cái sáng và cái tối, vì tức nơi thể ngón tay chỉ mà cho là tánh sáng của mặt trăng, thể thì hai tánh sáng và tối, không rõ biết được vậy.

Ông cũng như thế. Như ông lấy cái phân-biệt pháp-âm tôi nói là tâm của ông, thì cái tâm ấy cần phải ly cái phân-biệt pháp-âm mà có tánh phân biệt.

Vì như người khách ngủ đậu nơi trạm, ở tạm rồi đi, chớ không thường-trụ nơi ấy, còn người giữ trạm thì không đi đâu, thể mới gọi là chủ trạm. Tâm ông cũng vậy, như thiết là tâm của ông thì không đi đâu nữa, làm sao mà ly cái tiếng, lại không có tánh phân-biệt? Nói như thế chẳng những nói về tâm phân biệt các tiếng mà thôi, cho đến cái phân-biệt hình dung tôi, cũng là ly các sắc-tướng, không có tánh phân-biệt; như vậy cho đến cái

---

1.) *Bỏ mất vành trăng.* — Không biết mặt trăng là gì nên gọi là bỏ mất vành trăng.

phân-biệt đều không, chẳng phải sắc, chẳng phải không, » mà bọn Câu-Xá Ly mê muội cho là minh-đê (1) thì nó cũng là ly các duyên của pháp-trần, không có tánh phân biệt. Vậy tam ánh của ông đều có thể trả về chỗ này chỗ khác, thời ông lấy cái gì làm chủ.»

1.) *Minh đê.* — Minh-Sơ ngoại đạo chấp rằng thế gian ban đầu là một cái lù mù không phải có hình tướng, cũng không phải không có hình tướng, và chấp rằng cái ấy về sau phân chia ra tạo-thành muôn vật. Lối này cũng giống như lối chấp hỗn độn của Nho-Lạc vậy.

(còn nữa)

VIÊN-ÂM

## GIỚI LUẬT CỦA ĐẠO PHẬT

Ông Đoàn-trung-Còn, trong quyển « *Tăng-Đồ nhà Phật* », có nói đủ các giới của Tin-dồ Phật-giáo: giới của Ưu-Bà-Tắc, Ưu-Bà-Di, giới của Sa-di, Sa-di-Ni, Tỉ-kheo, Tỉ-kheo-Ni, và có kể đủ nguyên do của các giới ấy.

Những Tin-dồ đạo Phật vì thất học chưa rõ giới tướng cũng nên xem quyển sách này để biết mà gìn giữ.

Sách « *Tăng-Đồ nhà Phật* » đóng thành hai quyển, mỗi quyển, giá 0\$45. Ngài nào muốn mua xin gửi thư cho ông Đoàn-trung Còn, 143, rue de Louvain, — Saigon.

VIÊN-ÂM

肩  
計



## THI-LÂM

Họa vận bài « tự-thuật » của cậu Phan-Tuất-Kiệt  
đăng trong Viên-Âm số 10.

Hiều bầu cơ thuyền mới xuất gia,  
Tự tâm là Phật. Phật đâu xa.  
Buộc chân khỏi vương đường giây thắm,  
Quyết chí nguyện mang mảnh áo đà.  
Dứt sạch gốc mê bèo dạ trẻ.  
Nấn tròn quả phúc độ thân già.  
Mong qua bể khổ lên bờ giác,  
Giữ vẹn lòng từ bỏ thói ngoa.

CÔ-MA





# DỰ CÁO



## SỐ 14

sẽ có những bài:

« Tôi biết tôi »;

« Chơn-bình-đẳng »;

« Phật », vân vân...



MỘT SỐ : 0s20

MỘT NĂM : 2s00

# VIÊN-ÂM

( LA VOIX PARFAITE )

NGUYỆT-SAN CỦA HỘI PHẬT-HỌC — HUẾ

TÒA-SOẠN :

5, Rue Champeau — Huế

Chủ nhiệm : LÊ-ĐÌNH-THAM, Médecin Indochinois

Boîte postale N° 73 — Huế

## KÍNH CÙNG ĐỘC-GIẢ

Thay mặt cho chúng tôi về phần thâu tiền và xuất biên-lai thì chúng tôi có cây :

Ở Faifo và Tam-kỳ, M. Đăng-ngọc-Chương

Ở Tourane M. Vũ-như-Kim ;

Ở Huế M. Ung Tiến.

Trừ ra, xin lấy biên-lai của Tòa soạn làm bằng cứ, vì chúng tôi không còn ủy thác ông nào xuất biên-lai và thâu tiền ở nơi nào nữa cả.

Xin độc giả chú ý.

VIÊNÂM